

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ tên: Đỗ Thị Nga

Sinh ngày : 15/11/1983

Giới tính: Nữ

Nghề nghiệp: Viên chức

Dân tộc: Kinh

Đơn vị công tác: Bảo tàng Đồng Nai

Nơi thường trú: 194, khóm 6 khu 7, Tân Phú, Đồng Nai

Số điện thoại: 0906677398

Địa chỉ email: dothingadn@yahoo.com

LỜI MỞ ĐẦU

Lịch sử có vai trò quan trọng đối với sự trường tồn của mỗi dân tộc. Sinh thời Bác Hồ từng dạy: *“Dân ta phải biết sử ta. Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”*.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước cùng với việc mở mang bờ cõi phát triển về phương Nam. Lịch sử ấy chứa đựng sức sống vô cùng mãnh liệt, gắn liền với tên tuổi của các anh hùng dân tộc, được người dân trong nước và trên thế giới biết đến với lòng tôn kính, ngưỡng mộ.

Trong những nhân vật lịch sử đã góp phần hình thành nền tảng ban đầu chủ quyền lãnh thổ, thiết chế văn hoá xã hội cho vùng đất phía Nam tổ quốc vào cuối thế kỷ XVII, chúng ta không thể không nhắc đến một nhân vật mà công đức của ông vẫn còn ghi đậm trong ký ức của người dân phương Nam, đó chính là Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Hơn 300 năm trước Nguyễn Hữu Cảnh - một vị tướng của triều đình nhà Nguyễn đã lĩnh ấn tiên phong đi về phương Nam để mở mang bờ cõi và khi sự nghiệp thành công ông được lịch sử công nhận là bậc khai quốc công thần, ông đã hoàn thành công trình vĩ đại mang sứ mệnh lịch sử.

Việc tìm hiểu con người và sự nghiệp xây dựng đất nước lớn lao của các bậc tiền nhân là điều thật cần thiết, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, giúp chúng ta tự hào với những truyền thống bất khuất của cha ông, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu quê hương, đất nước. Đồng thời thể hiện tấm lòng biết ơn của con cháu đối với tổ tiên và trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước. Cha ông chúng ta đã có công dựng nước, chúng ta ngày nay phải ra sức bảo vệ và phát triển đất nước ngang tầm với thời đại mà chúng ta đang sống.

CHƯƠNG 1

NGUỒN GỐC VÀ TIỂU SỬ NGUYỄN HỮU CẢNH

1.1. Nguồn gốc Nguyễn Hữu Cảnh

Tên tuổi Nguyễn Hữu Cảnh gắn liền với sự nghiệp mở cõi phía Nam. Ông là người thông minh tài trí, võ nghệ cao cường, lại có một tấm lòng vì nghĩa lớn. Sự nghiệp vĩ đại và cao cả đó không thể không mang dấu ấn của quê hương và gia đình – nơi đã hun đúc và chấp cánh cho tài năng, tôi rèn một nhân cách lớn.

Nguyễn Hữu Cảnh vốn là di duệ của bậc đế nhất khai quốc công thần Úc Trai Nguyễn Trãi (1380-1442). Còn khởi tổ của Nguyễn Hữu Cảnh là Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc (904-979)

Bảng sơ lược phổ hệ từ khởi tổ Nguyễn Bặc xuống đến đời thứ 10 là Nguyễn Ứng Long – Phi Khanh



Tượng thờ tại đền Nguyễn Hữu Cảnh (Biên Hòa)

Đời thứ 1: Nguyễn Bặc - ông là Đinh Quốc Công, công thần khai quốc nguyên huân triều nhà Đinh

Đời thứ 2: Nguyễn Đê - Đô Kiểm Hiệu phò 3 triều: Đinh, Lê, Lý

Đời thứ 3: Nguyễn Viễn - Tả Quốc Công Tham Tri chính sự nhà Tiền Lê

Đời thứ 4: Nguyễn Phụng - Tả Đô Đốc đời Lý Anh Tông

Đời thứ 5: Nguyễn Nộn – Đời Lý (1210) đi ẩn ở chùa Phù Dực Kinh Bắc; đời Trần được phong Hoài Đạo Hiếu Vũ Vương, lấy công chúa Ngoạn Thiềm nhà Trần.

Đời thứ 6: Nguyễn Thế Tứ - Đô Hiệu Đĩnh triều Trần 1225 - 1257

Đời thứ 7: Nguyễn Nạp Hòa – Bình Nam Đại tướng quân triều Trần qua các niên kỷ từ 1314 – 1377

Đời thứ 8: Nguyễn Công Luật – Hữu Hiệu Đĩnh cuối triều Trần sau bị nhà Hồ giết hại nhiều thân quyến.

Đời thứ 9: Nguyễn Minh Du – Quản quân Thiết Hồ, bị giết năm 1339 trong vụ thảm sát ở Tây Đô.

Đời thứ 10: Nguyễn Ứng Long – Phi Khanh 1355 (Ất Mùi) quê ở Chi Ngại,

Hải Dương, đỗ tiến sĩ đời vua Trần Duệ Tông 1374. Sau được bổ chức Kiểm chính. Năm 1401 làm quan đời nhà Hồ. Khi giặc Minh xâm lăng ông bị bắt qua Yên Kinh giam tại Vạn sơn Điếm (Hồ Bắc, Trung Quốc). Khi mất ông được an táng tại quê nhà ở phía nam núi Bái Vọng, Chi Ngại, Hải Dương. Chánh thất của ông là bà Trần Thị Thái, con gái thứ ba quan Tư đồ Trần Nguyên Đán quê ở Nhi Khê, Hà Đông. Ông bà được 6 con trai, người thứ 2 là Nguyễn Trãi.

Đức Nguyễn Trãi có hiệu là Úc Trai là bậc đệ nhất khai quốc công thần triều Lê Thái Tổ, được vua phong tước Quan Phục Hầu, Đại Phu Nhập Nội Hành Kiểm. Năm 1442 mắc họa oan ức Ngài đã phải gánh nạn tru di tam tộc. May mắn còn 2 người con ông chạy thoát là Nguyễn Công Duẫn và Nguyễn Anh Võ.

Lược phả dòng họ Nguyễn Hữu kể từ hậu tổ của Nguyễn tộc là Nguyễn Trãi:

Đời thứ 1: Nguyễn Trãi

Đời thứ 2: Nguyễn Công Duẫn

Đời thứ 3: Nguyễn Đức Trung

Đời thứ 4: Nguyễn Hữu Vinh

Đời thứ 5: Nguyễn Hữu Đạc

Đời thứ 6: Nguyễn Hữu Dẫn

Đời thứ 7: Nguyễn Triều Văn

Đời thứ 8: Nguyễn Hữu Dật

Đời thứ 9: Nguyễn Hữu Cảnh

Như vậy Nguyễn Hữu Cảnh là hậu duệ 19 đời của khởi Tổ Nguyễn Bặc; hậu duệ 9 đời của hậu Tổ Nguyễn Trãi; cháu nội của Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn; con trai thứ 3 của Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật; em ruột của Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào; cha của Thanh Nghị Hầu Nguyễn Hữu Tú.

Tính từ hậu Tổ Úc Trai Nguyễn Trãi (1380) đến Nguyễn Hữu Cảnh (1650) được 270 năm, tiếp nối 9 thế hệ, phần đông được sinh ra và làm quan dưới triều Lê, đều có công to, danh lớn, nhưng đến 3 thế hệ sau kể từ đời Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn lại phò Chúa Nguyễn. Trải qua 6 triều Chúa, từ Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558 – 1613) đến Chúa Nguyễn Phúc Chu 1691 – 1725. Trong khoảng thời gian 142 năm từ khi Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn phò Chúa Nguyễn 1558 đến năm 1700 là năm Nguyễn Hữu Cảnh mất ở miền Tây Nam Bộ thì tất cả ông cháu, cha con anh em dòng họ Nguyễn Hữu đã lập nên nhiều công nghiệp thật kỳ vĩ, nêu những thành tích rạng rỡ núi sông. Nhất là Đàng Trong, miền Nam nước Đại Việt ở cuối thế kỷ VXII.

Dòng họ Nguyễn trải qua rất nhiều thăng trầm. Nguyên tổ tiên của ông đã di chú rất nhiều nơi, nên có nhiều sinh quán khác nhau; kể từ Ninh Bình, Hải Dương,

Hà Đông, Thanh Hóa...Đến đời Triều Văn Hầu Nguyễn Triều Văn từng làm quan tham chiến dưới triều Lê Anh Tông nhưng vì bất mãn với chúa Trịnh Đàng Ngoài, ông đã theo chúa Nguyễn đưa gia đình di chuyển từ làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, Thanh Hóa theo chúa Nguyễn vào Đàng Trong (1609) và định cư tại huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình. Khi ấy con trai của ông là Nguyễn Hữu Duật (sinh ra trên đất Thăng Long) tức cha của Nguyễn Hữu Cảnh mới 6 tuổi.

Cha của Nguyễn Hữu Cảnh đã từng giữ chức vụ tham cơ vụ, được góp bàn ý kiến với triều đình kể cả những đại sự. Với chức giám chiến, Chiêu vũ hầu Nguyễn Hữu Dật đã cùng các quan lại khác phò giúp chúa Nguyễn rất đắc lực. Khi trở thành tướng quốc, trong tay có cả vạn tinh binh nhưng thâm tâm ông chỉ muốn đem mưu lược ra thi thố hơn là phải giao tranh. Những mưu thuật như đã được ông vận dụng rất tài tình. Ông luôn để tâm suy nghĩ thực hành nhiều mưu sách khiến quân Trịnh phải kiêng nể. Truyền rằng, mỗi lần lâm trận ông đều suy nghĩ tư quen ăn bỏ ngủ, cố nghĩ ra mưu lược để quân Trịnh sa lưới hoặc rút lui, trừ khi bất thành mới dụng đến binh khí. Suốt quãng đời phò chúa Nguyễn của mình, các trận đánh lớn, Nguyễn Duật đều được tham chiến. Cứ mỗi lần thắng to ông lại được ban thưởng hậu hỹ. Nhưng khi được lộc chúa ông đều giành phần để giúp đỡ người nghèo khó và ban thưởng cho quân lính.

Bên cạnh người bố với tài trận mạc và lòng nhân hậu, Nguyễn Hữu Cảnh cũng đã lớn lên trong vòng tay người mẹ đảm đang, hết lòng với chồng con và suốt đời lo tu nhân tích đức. Ngày nay còn lưu lại những câu chuyện về bà Nguyễn Thị Thiện, một người rất sùng đạo Phật, ngày rằm hay mùng một nào bà cũng cùng các con đi chùa Đại Phúc lễ Phật, dạy cho con đều hay lễ phải, đưa các con vào nề nếp khuôn phép gia đình và xã hội.

1.2. Tiểu sử Nguyễn Hữu Cảnh

Theo gia phả Nguyễn Hữu Cảnh là cháu nội của quan Tham Chiến Triều Văn Hầu Nguyễn Văn Triều, cha của Nguyễn Hữu Cảnh là Chiêu Hầu Nguyễn Hữu Dật có tài kiêm toàn văn võ, là danh thần triều Nguyễn Sãi, và là tác giả thi tập “Hoa Vân Cảo Thi” ở thế kỷ XVII. Mẹ Nguyễn Hữu Cảnh là Nguyễn Thị Thiện.

Nguyễn Hữu Cảnh có 4 anh em cùng cha cùng mẹ là: Anh trưởng, Hào Lương Hầu Nguyễn Hữu Hào, ông Hào cũng là một danh tướng triều Chúa Nguyễn và là tác giả thi phẩm “Song Tinh Bất Dạ” đầu thế kỷ XVIII gồm 2300 câu, đây là tác phẩm thơ Nôm đầu tiên ở nước ta. Anh thứ hai là Trung Thắng Hầu. Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là thứ ba. Người thứ tư là Tín Đức Hầu Chức Trấn Vũ Chương Doanh. Ngoài ra Nguyễn Hữu Cảnh còn có 8 người em trai là con cùng cha khác mẹ với ông nữa.

Nguyễn Hữu Cảnh có 3 phu nhân, tất cả sinh được 4 trai 1 gái. Chánh thất

tên Nguyễn Quý Thom hiệu Ngọc Yển, bà được gia tặng mệnh phụ Kim Triều Chiêu Dung Nhã phu nhân. Phu nhân thứ 2 là Duyên phu nhân họ Nguyễn, sinh một trai đầu. Phu nhân thứ 3 là Liễu phu nhân họ Đinh, sinh 3 trai, 1 gái.

Nguyễn Hữu Cảnh tên thật là Nguyễn Hữu Thành, húy Cảnh (còn đọc là Kính) sinh 1650 (Canh Dần) tại xã Chương Tín, huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình, thuộc dòng dõi công thần nhiều đời. Nguyễn Hữu Cảnh là một kiệt tướng đời chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (Hiển Tông Hiếu Minh Hoàng đế (1691- 1725)).



Tượng tại trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh (Biên Hòa)

Người Việt hay kiêng tên húy, do đó Cảnh được gọi chệch ra thành Kính. Về sau nhân dân miền Nam quá trọng vọng ông họ đã tự động húy cả 2 tên: Kính gọi là Kiến hoặc Kiếng; Cảnh gọi là Kiểng. Mãi khi ông mất rồi người đời sau này chép tiểu sử mới dám ghi rõ tên ông là Nguyễn Hữu Cảnh.

Sống trong một gia đình như thế nên anh em Nguyễn Hữu Cảnh ngay từ bé đã được giáo dục chu đáo, lớn lên đều trở thành người có ích. Anh trai Nguyễn Hữu Cảnh là Nguyễn Hữu Hào (1642-1713) là một người văn võ song toàn, là một nhà quân sự, nhà ngoại giao tài giỏi. Cũng như anh trai, Nguyễn Hữu Cảnh với lòng khoan dung nhân ái, với tính hòa đồng với quân sĩ, đã chinh phục được binh sĩ và nhân dân ở các vùng đóng quân. Trong sự nghiệp ngoại giao ông cũng tỏ rõ khả năng ngoại giao xuất sắc của mình, vừa giữ không khí hòa hiếu với quốc gia lân cận vừa tạo điều kiện để mở mang bờ cõi về phía Nam.

Nguyễn Hữu Cảnh lớn lên bằng dòng sữa nhân hậu của người mẹ, thừa kế tài binh nghiệp và tinh thần anh dũng bất khuất của cha. Nhân cách sự nghiệp của

Nguyễn Hữu Cảnh là sự hòa quyện của truyền thống gia đình và những đức tính của người dân vùng “địa linh nhân kiệt” Quảng Bình. Đây là một tuổi thơ luôn tuân thủ nề nếp gia phong nhưng hiếu động và tràn trề sinh lực. Một tuổi thơ với niềm đam mê võ thuật và cầu tiến nhưng song phẳng và hào hiệp trong những trận đấu.

Truyền thuyết kể rằng: khi Nguyễn Hữu Cảnh còn nhỏ đã có một tính khí ngang tàng, ưa mạo hiểm, nhất là tinh thần thượng võ đã có trong tâm hồn thơ từ thuở bé.

Nguyễn Hữu Cảnh rất tâm đắc về khu Vườn Dầu ở phía sau thôn nhà nên thường hay rủ bạn bè đến đó múa võ. Tục truyền kể khi nào chia phe đấu vật, Nguyễn Hữu Cảnh cũng chỉ thích đấu với bạn nào nhỉnh hơn mình một chút, nhưng về binh khí nhất thiết phải dùng ngang nhau – tức tay đấu tay, côn đấu côn. Mỗi khi thách thức ông thường tỏ ra thán phục những bạn nào có tính anh hùng, và thường chế nhạo những bạn nào nhút nhát.

Từ niên thiếu đến trưởng thành, Nguyễn Hữu Cảnh rất giỏi võ. Nguyễn Hữu Dật sớm nhận thấy con trai mình có bản lĩnh và khả năng theo đường binh nghiệp nên ông đã khuyến khích, chăm chút cho con trai tập tành võ thuật, truyền lại kinh nghiệm và diu dắt con xông pha các trận mạc để rèn luyện bản lĩnh nên ông càng thêm phần gan dạ và am tường mọi binh pháp. Nhiều khi chỉ riêng mình đối phó ông cũng lập được nhiều chiến công, được Chúa Nguyễn Phúc Chu cử giữ chức Cai Cơ.

Không phụ lòng cha, nhờ khổ luyện ông đã trở thành người sáng lập một võ phái xứ Đàng Trong, môn võ gia truyền đã tạo cho ông được thế đứng vững vàng. Dần dần ông trở thành vị sư Tổ đã dày công khai sáng ra một môn phái “Võ Bạch Hổ”, danh hiệu Bạch Hổ Sơn Quân Phái đã khét tiếng một thời xứ Đàng Cựu. Khi còn trong quân ngũ, ông có biệt danh là Hắc Hổ, tục truyền vì ông có tướng mạo hùng dũng với nước da đồng đen, thêm lý do nữa là ông tuổi Dần, cầm tinh con hổ.

Về binh nghiệp trong suốt cuộc đời của mình Nguyễn Hữu Cảnh luôn thể hiện là người cầm binh tài giỏi. Ông không chỉ dẹp loạn trong nước mà còn dẹp những cuộc gây hấn ở vùng biên giới với các nước láng giềng. Có tài dụng binh, quân mạnh binh hùng mà vẫn gần gũi dân, đánh giặc xong lại trở về chốn cũ, không tham quan chức tước, không tơ mang đến của ngon vật lạ ở vùng đất mới, đây là điểm nổi bật của một nhân cách. Đức độ và nhân cách sống vì nghĩa lớn, đây là điểm nổi bật của dòng Nguyễn Hữu trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp và mọi thời điểm. Tài năng của Nguyễn Hữu Cảnh đã gặp được môi trường thuận lợi là gia đình, nơi đầu tiên chăm chút một tài năng.

CHƯƠNG 2 NGUYỄN HỮU CẢNH VỚI CÔNG CUỘC KHAI SÁNG MIỀN NAM

Nam bộ là vùng đất mới của phương Nam có quá trình hình thành và phát triển hơn 3 thế kỷ. Trải qua biết bao biến đổi và thăng trầm của lịch sử, Nam bộ vẫn là vùng đất trù phú, nơi dung nạp được nhiều nguồn cư dân khác nhau từ mọi miền đất nước đến lập nghiệp.



2.1 Nguyễn Hữu Cảnh bình định an dân ở đất Champa

Năm 1390, sau thời kỳ cực thịnh của nước Champa, thì bị tướng La Khải lên chiến vị. Con trai của Chế Bồng Nga là Chế Ma Nô Đà Nam chạy sang nhà Nam cầu cứu vua Trần. Từ đây giữa hai lân bang lại có sự trợ giúp, hòa giải và trao đổi. Dân Việt từ Nghệ An, Thuận Hóa được phép đến Chiêm Động, Cổ Lũy chung sống với người Chăm, và ngược lại.

Chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã dùng chính sách hoà bình, thân thiện với Chiêm Thành. Năm 1631, Chúa gả Công Nữ Ngọc Khoa cho Vua Chiêm Pô Romê, nhờ đó mà có sự hoà hiếu Chiêm - Việt. Tình lân bang đã khơi nguồn tương đối tốt đẹp. Vào thời gian này văn hóa Việt - Chăm có những ảnh hưởng lẫn nhau. Về mặt ngoại giao lân bang, nay kèm thêm tình thông gia nên sự thân phục bên ngoài của nhà Chăm đối với Nhà Đại Việt có phần nào e dè, lắng xuống.

Những năm 1690, 1691 lúc này người nối ngôi vua Champa là Kế Bà Tranh, ông có ý định giành giật, bỏ bang giao, thường đem quân vượt biên giới, sát hại dân Việt ở phủ Diên Ninh (Diên Khánh). Đến đầu 1692, Chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), phái Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm thống binh cùng với tham mưu Nguyễn Đình Quang đem quân bình định biên cương. Chưa kịp ngơi tay lại có nhóm người Thanh, đứng đầu là A Bân xúi giục bè đảng dấy loạn, giết hại

lẫn nhau, nhân dân vô cùng khốn khổ. Nguyễn Hữu Cảnh lại nhận lệnh đi đánh phải dẹp bọn tạo phản, đem lại sự an ninh cho dân chúng bản hạt. Với chính sách ôn hòa ông luôn cư xử mềm dẻo, lấy nhân đức hướng đến sự hòa đồng sắc tộc. Rồi được cử làm Trấn thủ dinh Bình Khương (còn được gọi Bình Khang, nay là vùng Khánh Hòa - Ninh Thuận).

Xuân Quý Dậu 1693, bờ cõi được dẹp yên, vùng đất mới đã có an ninh trật tự. Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh Chúa lập ra Thuận Thành Trấn (đất Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay). Tháng 8 năm ấy đổi thành phủ Bình Thuận. Thống suất cùng hợp tướng chung lo mọi việc sắp đặt, vỗ về an dân, dàn xếp sự giao lưu và ngụ cư giữa các sắc tộc, cải cách nền văn hóa hợp chủng, hài hòa nếp sống chung, kính cẩn bảo trọng mọi chốn linh thiêng, định lệ triều cống...

Đây chính là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh bắt đầu phát triển. Kể từ đây khí phách và tài thao lược mới được vận dụng, phát triển rực rỡ và đã đưa ông trở thành bậc khai quốc công thần. Điều ông chú trọng nhất là xây dựng mối hòa hảo. Ông đã đưa ra nhiều sáng kiến rất hay, đề xuất ý kiến cho người Chăm được quản lý và đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng ở trấn thuận thành, cải cách nền văn hóa hợp chủng. Điều này đã tạo nên sự hòa hợp giữa các dân tộc, giao lưu văn hóa giữa người Chăm và người Việt. Đồng thời cũng tránh được sự suy nghĩ là bị người khác cai trị.

Thời đó quân lính của Nguyễn Hữu Cảnh rất thạo nghề nông. Mỗi khi rảnh việc binh bất kỳ ở đâu, ông đều chỉ định cho quân sĩ xuống đồng làm việc giúp dân mỗi khi rảnh việc binh, khiến dân chúng rất an tâm làm việc. Bằng đại nghiệp dẫn tới sự hài hòa sắc tộc, ông giới tổ chức cuộc sống cho cư dân, dùng chữ hòa ở khu vực sinh sống để mọi người hiểu nhau hơn. Chính vì thế chúa Nguyễn rất tin tưởng giao nhiệm vụ cho ông đi vào Nam mở cõi, và nơi đâu cũng in dấu bước chân kinh lược của ông từ Nam Trung Bộ cho đến Nam Bộ trù phú.

Qua thành tích trên Nguyễn Hữu Cảnh được thăng chức Chương Cơ. Chúa còn cho Lễ Công được như nguyện về lại Trấn thủ Bình Khương để Khám Lý Kế Bà Tử tự lo liệu công việc nhà Chăm.

Trấn Bình Khương thuở ấy ở huyện Tân Định, thuộc thành Diên Khánh, còn Dinh Dinh Khương nằm thị trấn Tân Định (nay là phủ Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa)

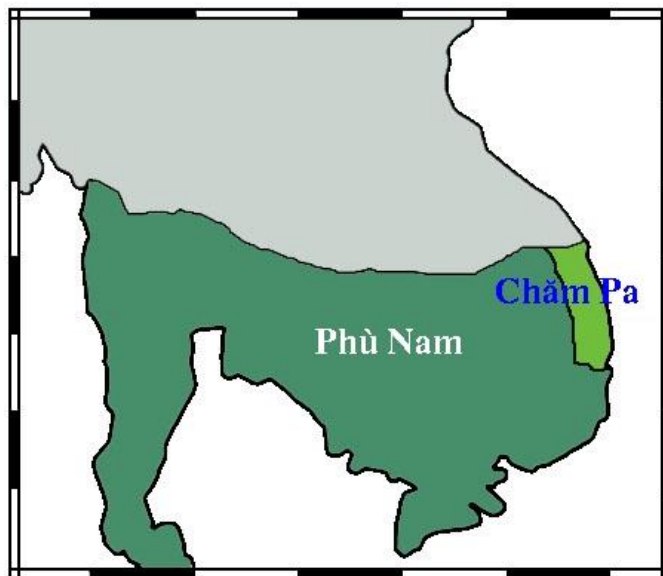
Tương truyền khi Thống binh Nguyễn Hữu Cảnh kéo quân trực chỉ Thuận Thành, đến xã Lộ Bội, đêm mộng thấy ngôi sao lớn sa xuống phía nam ngọn núi, ông cầu xin mau chóng hài hòa tròn nhiệm vụ. Lúc khai hoàn trở về, Thống binh truyền cho xây đền thờ ghi dấu linh địa nơi này. Hiện nay vẫn còn đền thờ Lộ Bội (ở xã Lôi Bội, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) do Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu nên từ ngày đó, gọi là đền “Hiển Hưu Linh Thần”

2.2. Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược xứ Đồng Nai

2.2.1 Di dân khai hoang xứ Đồng Nai

a. Xứ Đồng Nai và các tiến trình nhập cư vào Đồng Nai trước khi Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược

Từ những thế kỷ trước Công nguyên cư dân ở đây đã có sự giao lưu văn hóa giữa các tộc người Ấn Độ và Đông Nam Á, bằng đường biển thông qua cửa biển Cần Giờ, dần dần du nhập vào đất liền. Ở vùng Đông Nam Á, một bộ tộc hùng mạnh hình thành nhà nước sơ khai, thành lập vương quốc. Mở đầu cho việc hình thành nhà nước là Vương quốc Phù Nam rồi đến Champa. Chiếm cứ cả một vùng rộng lớn từ



đèo Cả đến Nam bộ Việt Nam ngày nay. Ở vùng Đồng Nai, Champa thuộc phía Đông, Phù Nam thuộc phía Tây, vùng này nằm đệm giữa hai vương quốc lớn.

Vương quốc Phù Nam xây dựng thương hải cảng Óc Eo và phát triển khá mạnh vào thế kỷ III – IV. Kinh đô Phù Nam đóng ở Ba Phnom thuộc tỉnh Prey Ven, Đông Nam Campuchia ngày nay. Vùng Đồng Nai lệ thuộc Phù Nam trên danh nghĩa vì vùng này ở quá xa trung tâm chính trị, phương tiện đi lại, liên lạc khó khăn. Các bộ tộc ở đây tự tổ chức quản lý theo tập tục truyền thống là chính.

Giữa thế kỷ VI, Chitrasena thôn tính Phù Nam, hình thành vương quốc Chân Lạp. Vùng đồng bằng Nam bộ bị ngập nước. Cư dân chuyển dần lên vùng cao, kinh đô Chân Lạp xây dựng vùng Tonle Sáp (Biển Hồ), thương hải cảng chuyển về vùng eo biển Malacca và bờ biển Đông Nam Xumatra. Từ thế kỷ X về sau, giữa các vương quốc lớn luôn xảy ra chiến tranh giành lãnh thổ, làm cho vương quyền suy yếu mất dần thế lực các vùng xa. Các bộ tộc dần dần tự chủ, hình thành các vương quốc mới. Vùng Đồng Nai nằm trên con đường chinh chiến của hai vương quốc Chân Lạp - Champa nên có ảnh hưởng văn hóa của nhau nhưng vẫn kế thừa văn hóa Óc Eo, hình thành nền văn hóa bản địa.

Từ thế kỷ XIV - XV vương quốc Chân Lạp dần suy thoái. Vùng phía Đông, Vương quốc Champa phải rời bỏ kinh đô Vijaya (Đồ Bàn) bởi sự lớn mạnh của Đại Việt. Vùng đất này trở nên hoang hóa chỉ có những tộc người bản địa sống thung lũng vùng cao, hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của khu rừng thấp, những cửa rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm lý

Từ thế kỷ XVI vùng đất Đồng Nai hẳn có sự chuyển đổi cơ tầng xã hội bởi có những tập đoàn người Việt, người Hoa di dân vào khai phá xứ Đồng Nai

Vùng đất miền Đông Nam bộ nói chung, vùng đất Đồng Nai nói riêng vào cuối thế kỷ XVI, về cơ bản vẫn còn là một vùng đất hoang dã, chưa được khai phá. Nhận định này là có cơ sở bởi lẽ cho đến giữa thế kỷ thứ XVIII mà Lê Quý Đôn vẫn ghi nhận rằng: “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi (Soài) Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào, toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm*”.

Trước năm 1698, vùng đất miền Đông Nam Bộ trong đó có Đồng Nai, trên danh nghĩa, thuộc Chân Lạp, nhưng “thuộc” một cách lỏng lẻo. Các dân tộc vẫn sống tự trị và một số sóc Khơ-me lẻ tẻ chưa hợp thành đơn vị hành chính thuộc triều đình La Bích (Chân Lạp). Dân Khơ-me tập trung khai thác các vùng đất màu mỡ quanh Biển Hồ, chưa có nhu cầu và nhân lực để khai hoang vùng trũng thấp Thủy Chân Lạp (vùng đồng bằng sông Cửu Long). Vùng đất này cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII là vùng đất hoang vu, đất tự do của các dân tộc, là đất hoang nhân cả về kinh tế lẫn chủ quyền.

Thế kỷ XVI, trên đất nước Việt Nam đã diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến: họ Trịnh ở Đàng Ngoài và họ Nguyễn ở Đàng Trong. Cuộc giao tranh này kéo dài hết 175 năm trong đó có 45 năm từ năm 1627 đến năm 1672 đã diễn ra liên tiếp 7 trận đánh lớn. Để phục vụ cho chiến tranh, lối sống xa hoa, tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn thi nhau vơ vét cùng kiệt sức người, sức của dân chúng, gây nên cảnh đói khổ khắp nơi.

Bị khổ sở điều đứng, những người dân miền Thuận Quảng phải rời bỏ quê hương bản quán, tìm đất sống. Đồng Nai - vùng đất gần như vô chủ lại màu mỡ, phì nhiêu đã thu hút lưu dân Việt. Làn sóng di cư tự phát của lưu dân người Việt vào đất Đồng Nai ngày càng tăng.

Tiến trình nhập cư của lưu dân người Việt từ miền Ngũ Quảng vào đất Đồng Nai - Gia Định trong thế kỷ XVII diễn ra liên tục cùng với cường độ ngày càng khốc liệt của cuộc chiến tranh phong kiến Trịnh - Nguyễn và mâu thuẫn giai cấp xã hội giữa chính quyền phong kiến, giai cấp địa chủ với giai cấp nông dân.

Tiến trình nhập cư đó ban đầu diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, dần dần ồ ạt hơn, qui mô lớn hơn nhất là sau khi mối quan hệ giao hiếu, hòa hảo giữa các chúa Nguyễn với vua Chân Lạp Preachey Chettha II (1620). Khoảng 1621-1624 công chúa Ngọc Vạn được lập làm Hoàng Hậu với tước hiệu Somdach Prea Peaccac Vodey Prea Voreac Khsatthey). Đây chính là thời kỳ người Việt được phép di một số dân sang tận kinh đô Chân Lạp. Ngoài đội vũ công theo công chúa vào hẳn Miên cung, cũng có vài ba quan tước, xét được ban chức vụ hệ trọng đại triều đình Miên, còn lại là số dân chúng đi theo, họ được công chúa và vua Miên cho phép họ tự do sinh sống,

hành nghề hợp pháp trên đất Miên. Phần đông họ tập trung nơi phố thị sầm uất là Châu Nam-Vinh, thành phố Nam Vang. Nhưng cũng có một số gia đình chuyên làm nông thì họ xin định cư tại Bà Rịa, Đồng Nai. Bởi nơi đây có nhiều vùng trũng ngập cỏ, rất thuận tiện cho việc trồng lúa nước của họ.

Cho đến những thập kỷ cuối thế kỷ XVII, thế lực của chúa Nguyễn ở vùng Đồng Nai - Sài Gòn đã tăng lên mạnh mẽ, hỗ trợ đắc lực cho lưu dân người Việt đến định cư và khai thác vùng đất này. Từ Mô Xoài, Bà Rịa - địa bàn đứng chân đầu tiên, di dân Việt tiến lần vào vùng Đồng Nai. Các điểm định cư sớm nhất của họ ở vùng này là Bàn Lân, Bến Gỗ, Bến Cá, An Hòa, Long Thành, Cù Lao Phố, Cù Lao Rùa, Cù Lao Tân Chánh, Cù Lao Ngô, Cù Lao Kinh, Cù Lao Tân Triều.

Năm 1679, Tổng Binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn; cùng Tổng Binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài (tức Trần Thượng Xuyên) và phó tướng Trần An Bình đem binh biên và gia quyến trên 3.000 người, trên 50 chiến thuyền vào cửa biển Tư Dung và cửa Đà Nẵng xin các chúa Nguyễn cho tỵ nạn trên đất Việt. Đây là nhóm người Hoa trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Thanh nên đã nổi dậy phất cờ “bài Mãn phục Minh” nhưng bất thành. Thấy họ lâm vào cảnh thế cùng lực tận, chúa Nguyễn đã chấp thuận cho phép họ nhập cư. Họ được các tướng Vân Trình, Văn Chiêu hướng dẫn, binh thuyền tướng sĩ Long Môn của Dương Ngạn Địch, tiến vào cửa Lò Lấp, theo cửa Đại, cửa Tiểu, đến định cư ở Mỹ Tho, binh lính tướng sĩ Cao, Lô, Liêm của Trần Thượng Xuyên, Trần An Bình tiến vào cửa biển Cần Giờ rồi lên định cư ở Bàn Lân, xứ Đồng Nai (Biên Hòa ngày nay). Sau khi đến định cư khai khẩn, nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đã nhìn thấy Cù Lao Phố có những điều kiện thuận lợi cho việc kinh doanh buôn bán nên họ đã di chuyển về đây.

Cù Lao Phố đã sớm là nơi tập trung các nghề thủ công như: nghề dệt chiếu, dệt tơ lụa, nghề gốm, nghề đúc đồng, nghề nấu đường mía lau, làm bánh cưới, nghề làm đồ gỗ, nghề làm pháo thăng thiên..., các nghề này đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong dân gian như những địa danh “chợ Chiếu, xóm Củi, xóm Lò Đúc, rạch Lò Gốm...”. Điều này nói lên sự phát triển kinh tế mạnh mẽ của Cù Lao Phố, tạo tiền đề cho sự hình thành trung tâm buôn bán vào bậc nhất của Nam bộ - thương cảng Cù Lao Phố mà người Hoa gọi là Nông Nại Đại Phố, trong thế kỷ XVIII.

Tiến trình nhập cư của lưu dân người Việt vào đất Đồng Nai - Sài Gòn đã diễn ra liên tục trong suốt thế kỷ XVII kéo dài đến năm 1698, khi Nguyễn Hữu Cảnh theo lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu vào “kinh lược”, thiết lập hệ thống quản lý hành chính, tổ chức việc khai thác đất đai và ổn định trật tự xã hội.

b. Nguyễn Hữu Cảnh khai hoang xứ Đồng Nai

Hành trình mở cõi về phía Nam của cha ông ta được tính từ thời Lý, trải qua các triều đại phong kiến lãnh thổ Đại Việt dần dần được mở rộng. Đến năm 1635, chúa Nguyễn Phúc Nguyên dời thủ phủ vào Kim Long bên bờ sông Hương, và Phú Xuân - Huế ra đời đánh dấu mốc quan trọng trong hành trình mở cõi của dân tộc Việt Nam.

Đối với vùng đất Nam Bộ cho đến thế kỷ XVII vẫn còn hoang vu, mà nhà truyền giáo Alexandre de Rhode đã mô tả “*quạnh hiu, hoang mạc*” và chú thích “*không có vật gì thuộc về sự sống*”, cuốn Phủ biên tạp lục cũng khẳng định: “...*từ các cửa biển Cần Giờ, Soài Rạp, cửa Tiểu, cửa Đại trở lên toàn là rừng rậm hàng nghìn dặm*”. Trong một thời gian khá dài từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII, vùng đất Nam Bộ “*hình như đang ở trong quá trình hoang hóa do sự tan rã cơ cấu dân cư*”. Những nhóm người thưa thớt chỉ còn quần tụ ở một số vùng Vũng Tàu - Bà Rịa, Prei Nokor, Sóc Trăng, Trà Vinh, Thất Sơn... Nam Bộ là nơi bôn tẩu, ẩn nấp của những phe phái thất thế, những “*phó vương*”, “*đệ nhị vương*”,... khi tranh giành quyền lực ở triều đình Chân Lạp, nơi tụ họp của các phần tử bất hảo, nơi những người Khmer nghèo bị áp bức bóc lột đến lán nạn... Những người dân này không bị ràng buộc bởi một chính quyền nào. Điều đó đã thể hiện khả năng quản lý yếu cùng với sự thờ ơ vùng đất này của Chân Lạp tạo điều kiện cho chúa Nguyễn nhanh chóng mở rộng lãnh thổ vào Đàng Trong.

• Thiết lập hệ thống quản lý hành chính

Đầu thế kỷ XVII vua Chân Lạp là Chey Choetha II xin cưới một công nương nhà Đại Việt, con gái vua Nguyễn Phúc Nguyên là Công Nữ Ngọc Vạn được gả cho vua Cao Miên (1620). Cuộc hôn nhân giữa công chúa Ngọc Vạn với vua Chân Lạp đã làm mối giao hảo lân bang Việt - Miên khởi sắc. Dân hai nước được tự do qua lại sinh sống cả hai bên lãnh thổ của nhau. Năm 1623 vua Chân Lạp gửi quốc thư hồi âm chấp thuận việc Chúa Nguyễn ngỏ ý muốn đặc trạm thu thuế tại Sài-Côn (Preinokor sau này là Sài Gòn). Sự việc này đã mở đường cho nhà Đại Việt mở bước chân khai phá tiếp theo.

Danh từ Đàng Trong đã được vào đến đây, Đàng Trong cũ được gọi là Đàng Cựu. Khi ấy miền ác địa Thủy Chân Lạp vô chủ này được xem là miền trái độn giữa hai biên giới Việt - Miên. Bởi vậy, bất kỳ dân tộc nào có gan, có sức, muốn chiếm cứ khai phá, lấy đất trồng trọt sinh sống đều được tự do, không hề bị cấm đoán, ngăn cản.

Nơi hoang dại này về sau là xứ Đồng Nai – Gia Định của nhà Đại Việt. Dưới triều đại của các chúa Nguyễn, hợp cùng với công sức của tổ tiên người Việt khai phá mà nên. Mảnh đất thiêng liêng này đã thấm biết bao công sức, mồ hôi nước

mắt của ông cha ta mới có được như ngày nay. Mà công lao của vị Khai quốc công Thần Nguyễn Hữu Cảnh đã được xếp vào bậc nhất ở cuối thế kỷ XVII. Không chỉ có công khai sơn phá thạch, mà chính còn ở ân đức của ông mới đáng kể.

Trên vùng đất rộng mênh mông này, lúc bấy giờ có các dân tộc Stiêng, Mạ, Kơ ho, M'ông, Choro sinh sống. Ngoài các tộc người trên, còn có một vài sóc người Khơ me nằm trên mấy giồng đất cao. Đồng thời cũng có bóng người Chăm, họ lưu lạc đến đây từ thời ly loạn xa xưa. Phần người Man, gồm nhiều sắc tộc ở rải rác trên các vùng cao. Và số di dân nhà Minh vì bất mãn với nhà Thanh nên đã dong thuyền vượt biển dưới sự chỉ huy của Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên

Ngoài dăm ba Buôn, Sóc của dân Đàng Thỏ ở quanh hiểm địa Đồng Nai, Bến Nghé thì cũng có lác đác người Việt họ đến đây lập nghiệp với nhiều đợt nhập cư từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh hay trước nữa. Dân Việt đã cảm tử đi tìm đất sống. Họ đến đây với bao gian lao nguy khôn, niềm khắc khổ lo âu đã bật than tiếng than trong ca dao thời đó:

“Đến đây xứ sở lạ lùng

Tiếng chim kêu cũng phải sợ, tiếng cá vùng cũng phải kinh.”

“Đồng Nai địa thế hãi hùng

Dưới sông sâu lội, trên giồng cọt um”

Nhưng đất khắc nghiệt! Đất càng màu mỡ, Đại Việt đem suy nghĩ vào công trình khai hoang xứ Đồng Nai. Chúa Nguyễn phái trấn thủ Dinh Bình Khương là Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm thống suất kinh lược xứ Đồng Nai.



Tượng và nhà bia Nguyễn Hữu Cảnh tại Cù Lao Phố

Theo Đại Nam Thực lục Tiền biên thì vào tháng 2 năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu phong Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống suất, cử vào kinh lược xứ Đồng Nai. Nơi ông dừng chân đóng bản doanh là Cù Lao Phố. Chỉ riêng việc chọn nơi đây để lập bản doanh đã cho thấy tầm nhìn của Nguyễn Hữu Cảnh.

Bằng sự nhận xét thần tốc về mọi mặt, Thống suất phán rất tinh vi cả về phương diện đất đai còn nhiều hoang phế, mà về nhân lực lại quá yếu kém. Bất kể mọi nguy khó, hiểm nghèo, Ông vạch ra kế sách cấp tốc: khai hoang mở cõi; dàn xếp biên cương

Đời sống sinh hoạt của các sắc tộc trong toàn vùng Đông Phố phải lo cải thiện gấp rút. Ông lập tức cho quy tụ quân dân thành từng nhóm, ngày đêm khuyến khích và hướng dẫn việc khai phá rừng rậm đất hoang với kế sách “đao canh hỏa nậu” (đốt cho cháy cây cỏ rồi trồng lúa)

Ngoài việc nói rộng biên cương, ông còn nhằm vào mục đích tự cung, nên đã hăng hái đôn đốc từng cánh quân dân phạt cây, bang rẫy; cánh thì đốt rừng vỡ đất, cánh thì lấp từng khoảng sinh lầy. Để cho tốp khác lo gieo trồng ngũ cốc, nhất là khoai và bắp.

Chỉ ngẫm lại cảnh miền Nam cách nay 100 năm thôi, khi Sài Gòn đã trở thành thuộc địa của Pháp lúc đó có bao nhiêu công trình xây dựng bằng máy móc thời đại. Thế cũng chỉ trong chu vi thành phố hạn hẹp. Còn xung quanh vẫn là bao la rừng rậm. Huống chi là ba thế kỷ trước, cả vùng này còn hoang sơ nguy khó đến mức nào. Vậy mà tổ tiên chúng ta đã hy sinh sương máu, lấy mồ hôi nước mắt hòa với hiểm địa này, đã khai phá để cho con cháu nối tiếp lập nên vùng Nam Bộ trù phú như ngày nay. Đây quả là một công lao lớn của Nguyễn Hữu Cảnh trong lịch sử khai hoang. Ông đã thành công về cả hai mặt khai hoang và an dân

Song song với việc khẩn hoang, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh thi hành ngay việc chia ranh định vùng, mong sớm đưa dân vào nề nếp an cư. Việc quan trọng đầu tiên mà ông làm là thiết lập bộ máy hành chính. Ông quy tụ các vùng đất mới lập ra phủ Gia Định gồm hai huyện: huyện Phước Long và huyện Tân Bình. Lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay). Lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Sài Gòn ngày nay). Mỗi dinh đặt chức Lưu thủ đứng đầu quản trị, dưới có Cai bạ coi về ngân khố và Ký lục coi về hình án; nha thuộc có hai ty Xá, Lại để làm việc; quân binh thì có cơ, đội, thuyền, thủy bộ tinh binh và thuộc binh để hộ vệ. Đất đai mở rộng 1.000 dặm, dân số hơn 4 vạn hộ (40 ngàn hộ). Chiêu mộ những lưu dân từ châu Bó Chính trở vô Nam đến ở khắp nơi, đặt ra phường, ấp, xã, mọi người phân chiếm ruộng đất, chuẩn định thuế đinh, điền và lập bộ tịch đinh điền.



Bản đồ xứ Gia Định, Đồng Nai sau khi Nguyễn Hữu Cảnh Kinh lược

Trên vùng đất Gia Định, tên huyện, tên đất, tên làng được Nguyễn Hữu Cảnh cắt đặt và lấy theo tên quê hương bản quán nơi mình sinh ra, lưu dân vào sau cũng thấy gần gũi, gắn bó, không quên quê cha đất tổ. Phước Long là tên một làng, Tân Bình là tên một huyện ở Quảng Bình. Ông đã được sinh ra tại Phước Long, nay với lòng yêu quý nơi chôn nhau cắt rốn của mình, ông đã đem những danh từ Phước Long, Tân Bình vào tận Đàng Trong để đặt tên cho những vùng đất mới do chính ông khai sáng. Điều này thật cao quý, không chỉ thể hiện một tầm nhìn mà chứa đựng một tình cảm sâu nặng với quê hương.

Về thương mại ông nhận xét vấn đề đi lại vận chuyển hàng hóa hàng ngày của dân cư vùng hẻo lánh rất khó khăn. Nguyễn Hữu Cảnh liền cho chính thức lập đường thủy ven các nhánh sông, lấy khu chợ nổi Nhà Bè cổ, nơi ngã ba sông Bình Dương làm trung tâm giao dịch, thương lưu với các ngã: Cù Lao Phố, Bến Nghé, Cần Giờ (xưa còn có tên gọi là Bảo Tấn Cần Giờ, cửa biển thuộc quận hạt Trấn Biên), Rạch Cát Vũng Cù (phần phía bắc Định Tường Mỹ Tho), Gò Vấp.

Về quân sự đã có sẵn một lực lượng rất tinh nhuệ gồm: thủy binh, bộ binh, tinh binh và thuộc binh. Thống suất họp bàn cắt đặt các cơ đội, cho canh phòng yên ổn thôn trang. Quân lính hai dinh lo bảo vệ chủ quyền tại vùng đất mới.

Thời ấy bên Cao Miên, Nặc Ông Thu vẫn làm vua xứ ấy, mặc dù bên trong hoàng tộc của họ vẫn xảy ra nội loạn tranh chấp quyền lợi, nhưng bên ngoài đối với

sự định vùng biên giới của Đại Việt lúc đó cũng là ổn định cho đôi bên Việt-Miên. Sự thuần thuật hiến công lại như trước.

Một điều quan trọng là trong chuyên kinh lược Nguyễn Hữu Cảnh đã thực hiện chính sách an dân, hòa hợp vì lợi ích dân tộc. Trên vùng đất Đồng Nai thời điểm lúc bấy giờ, ngoài số lượng dân Việt chiếm đông đảo còn có cả người Hoa, một số tộc người thiểu số. Sử sách cho chúng ta biết, đối với cộng đồng người Hoa - một thành phần dân cư đến khai khẩn sớm ở vùng Đồng Nai – Gia Định được Nguyễn Hữu Cảnh lập ra đơn vị hành chính riêng để ổn định, tạo thuận lợi cho họ yên tâm xây dựng cuộc sống. Ở dinh Trấn Biên, Nguyễn Hữu Cảnh đã lập xã Thanh Hà, cộng đồng người Hoa được ghép vào sổ hộ tịch. Từ đây, cộng đồng người Hoa trên vùng đất Đồng Nai với tư cách là một lưu dân kiều, ngụ cư trên vùng đất khách xa lạ, trở thành công dân của một quê hương đã bao dung họ trên hành trình đầy gian khổ để mưu cầu cuộc sống tốt đẹp. Chính cộng đồng người Hoa cũng đóng góp nhiều nhân tài, vật lực với cư dân Việt khai khẩn, xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng đất Đồng Nai - Gia Định trong những thời kỳ lịch sử.

Tại Phước Long, Nguyễn Hữu Cảnh còn chăm lo khuyến khích thương nhân khuếch trương thêm bộ mặt cảng Đại Phố, khách thương ngoại bang được thêm phần dễ dãi, thuyền bè ra vào tấp nập. Thời đó cau Đàng Trong, Đuông rừng Sát, gỗ Đồng Nai, cá khô Bến Nghé...là những món hàng đặc sản quý giá và đầy hứa hẹn cho việc thương mại trao đổi với người nước ngoài.



Câu phương ngôn “Nhất Đồng Nai, nhì Hai huyện” (hai huyện Lê Thủy và Khang Lộc (Quảng Ninh - Quảng Bình ngày nay)) trong thời khai hoang mở đất,

ngoài việc so sánh về sự màu mỡ, trù phú của hai xứ Đồng Nai và Quảng Bình bấy giờ còn cho hậu thế thông tin về mối quan hệ chủ thể của hai vùng đất địa đầu Đàng Trong, và điều đó còn như một sự nhắc nhở hậu thế nhớ về công lao Nguyễn Hữu Cảnh.

•Đẩy mạnh công cuộc định cư và khai phá ở vùng đất mới

Nguyễn Hữu Cảnh kinh lược đất Đồng Nai ngoài việc thiết lập hệ thống quản lý hành chính đặt ra phường ấp xã thôn chia cắt địa phận, “lập bộ đình bộ điền”, ông cân nhắc giữa quê hương Quảng Bình và cả miền trung, vốn đều trong tình trạng đất hẹp người đông. So với vùng đất Đồng Nai, đất rộng người thưa, màu mỡ lại rất thích ứng cho việc trồng trọt. Ý nghĩ khuyến nông lại được chúa Nguyễn chấp thuận, Ông liền phái thuộc binh đi hô hào chiêu mộ dân chúng từ miền Trung, miền Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức (còn gọi Quảng Tín Thừa Thiên Huế), Quảng Nam, Quảng Ngãi) nên di cư vào Gia Định mà lập nghiệp. Thời đó đã xuất hiện nhiều câu ca dao ca ngợi xứ Đồng Nai:

“Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai vào Gia Định Đồng Nai thì vào”

Nhiều câu ca dao nói lên sự trù phú của vùng đất mới phương Nam, kêu gọi người dân hội tụ về đây lập nghiệp, sinh sống.

“Đồng Nai gạo trắng nước trong

Ai đi đến đó thời không muốn về”

“Hết gạo thì có Đồng Nai

Hết củi thì có Tân Sài chở vô”

Việc di dân ở cuối thế kỷ XVII không nhất loạt, nhưng rất có trật tự. Quan quân đã tuân lệnh nhanh chóng lo toan việc tạo dựng cơ ngơi cho những ai vừa chân ướt chân ráo đến chốn lạ nước lạ cái này. Phần dân chúng đều nức lòng tuân theo dẫn đạo hết sức ôn hòa, sáng suốt của vị thống suất kinh lược Nguyễn Hữu Cảnh.

Công cuộc khẩn hoang đất đai được mở rộng nhanh chóng còn nhờ các chính sách khá thoáng của chính quyền chúa Nguyễn về chiếm hữu đất đai, thể lệ canh tác, thuế ruộng đất. Với ý chí kiên cường, vượt mọi gian nguy, cùng với lòng yêu nước thương dân, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã tận tâm tận lực trong thời gian ngắn ngủi chưa đầy một năm, ông đã thành công trước mọi phương án do ông đề ra: Khai hoang mở cõi; Dàn xếp biên cương; Bảo vệ chủng dân và vùng đất mới; Thiết lập cơ sở hành chính thôn xã có quy củ; Lập phủ Gia Định và chính thức cho sát nhập vào bản đồ Đại Việt; Đề xuất công trình chiêu mộ lưu dân và khuyến nông.

Riêng công trình di dân đã được đa số dân chúng miền Phú Xuân Ngũ Quảng hưởng ứng, nhất là nhân dân vùng Bồ Chánh Quảng Bình đã sốt sắng đáp lời kêu gọi của bậc lãnh tướng đồng hương mà họ hằng kính yêu, nên đã hăng hái rủ nhau vào Đồng Nai lập nghiệp rất đông - Điển hình bằng cả những câu ca dao thời ấy:

"Làm trai cho đáng nên trai

Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng"

Chốn rừng rậm đầm lầy quanh vùng Đồng Nai Bến Nghé đã nhanh chóng trở thành phủ Gia Định rộng lớn, đầy sinh khí..., mà Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã là vị Thống suất kinh lược có công đầu trong lớp người khai sơn ra phủ Gia Định, là ân nhân mở đường đưa dân chúng đến cuộc sống hạnh phúc ấm no tại vùng đất mới này.

2.2.2. Sự phát triển của Đại Việt xứ Đàng Trong sau khi Nguyễn Hữu Cảnh khai hoang.

Sau khi Nguyễn Hữu Cảnh thực hiện chính sách khẩn hoang, ông đã biến chốn rừng rậm đầm lầy của xứ Đồng Nai nhanh chóng trở thành phủ Gia Định rộng lớn, đầy sinh khí. Vùng đất mới của nhà Đại Việt sớm được sắp xếp rất quy củ theo hệ thống hành chánh và một đội ngũ phòng vũng chãi giúp cho dân chúng an tâm làm ăn.

Nhóm lưu dân người Minh theo chân Trần Thượng Xuyên, đầu tiên định cư trên vùng đất Bến Gỗ, nhưng nhận thấy Cù Lao Phố, có vị trí quan trọng trong kinh doanh với đường thủy, đường bộ nối liền miền Trung, đường bộ lên Cao Miên và đường thủy xuống Gia Định. Sau khi quyết định định cư trên Cù Lao Phố, Trần Thượng Xuyên đã cùng với những nhà hào phú, quý tộc đi theo ông “chiêu nạp được người buôn nước Tàu, xây dựng đường phố, liên lạc năm dặm và phân hoạch ra ba nhai lộ: đại nhai lộ (đường lớn) giữa phố lát đá trắng; hoành nhai lộ (đường ngang) lát đá ong; tiểu nhai lộ (đường nhỏ) lát đá xanh, đường rộng bằng phẳng, người buôn tụ tập đông đúc, tàu biển, ghe sông đến đậu chen lấn nhau, còn những nhà buôn to thì ở đây nhiều hơn hết, lập thành một đại đô hội. Cù Lao Phố phát triển nhanh phồn thịnh trở thành một thương cảng lớn cạnh tranh với thương cảng Hội An ở Quảng Nam. Các thuyền buôn của phương Tây, của Nhật Bản, của Mã Lai, của Trung Hoa lần lượt ghé vào Cù Lao Phố để buôn bán và trao đổi hàng hóa.

Sự phồn thịnh của thương cảng Cù Lao Phố hay Nông Nại Đại Phố cuối thế kỷ XVII với tư cách là trung tâm thương mại và giao dịch quốc tế không chỉ riêng của Đồng Nai mà còn của cả đất Gia Định là do công lao của hết thầy cộng đồng sắc tộc nơi đây, thế nhưng phần lớn là do những bản tay, khối óc tài ba của người Trung Hoa. Và địa danh Cù Lao Phố, Đồng Nai, Gia Định gần như gắn liền với tên của vị Thống Suất Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh từ cuối thế kỷ XVII.



*Sa bàn thương cảng Cù Lao Phố thế kỷ XVIII tại Bảo tàng Đồng Nai
(dựng lại theo tư liệu lịch sử)*

Chỉ trong vòng một năm với chức vụ kinh lược, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh đã hoàn thành một nhiệm vụ vô cùng trọng đại trong công cuộc khai sáng miền Nam nước Việt, chính thức sát nhập đất Biên Hòa và Gia Định vào bản đồ Việt Nam. Ông chính là ân nhân đã mở đường đưa dân chúng đến cuộc sống ấm no hạnh phúc ở miền Nam, ông lại còn là tấm gương nhân hậu điển hình, mặc dù trăm công ngàn việc, nhưng với nhiệt tâm chăm lo đến đời sống dân chúng, ông luôn gần gũi với mọi sắc tộc, khuyến khích vỗ an cư dân.

Suốt vùng Gia Định - Sài Côn (bao gồm cả vùng Đồng Nai Gia Định, Bến Nghé Sài Côn, Chợ Lớn và một phần đầu Vũng-Cù (Mỹ Tho)), người người đều quý mến đức độ của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Họ tỏ lòng tôn kính uy danh vị thống lĩnh biên thùy nên không ai dám gọi tên Ông mà chỉ xưng tụng là ông Lễ Công, chính nhờ đức độ mà ông đã chinh phục mọi sắc tộc.

2.3. Nguyễn Hữu Cảnh bình định Chân Lạp

Năm 1620, Chúa gả Công Nữ Ngọc Vạn cho vua Cao Miên là Chư Chetta II (1618-1686) nên dân chúng vào làm ăn sinh sống ở vùng đất Thủy Chân Lạp của Cao Miên được thuận lợi. Năm 1673, ở Chân Lạp đã nổ ra cuộc tranh chấp quyền lực giữa một bên là hai anh em Ang Ji (Nặc Đài)-Ang Sur (Nặc Thu) và bên kia là hai bác cháu Ang Tan (Nặc Tân)-Ang Nan (Nặc Nộn). Phe Nặc Tân-Nặc Nộn cầu cứu chúa Nguyễn Phúc Tần. Năm 1674 Nặc Tân chết, ba năm sau Nặc Đài bị giết. Chúa Nguyễn giải hòa hai phe bằng cách phong cho Nặc Thu làm chính vương

(đóng đô ở Udong) và Nặc Nộn làm phó vương (đóng đô ở Prei Nokor tức Sài Gòn).

Vào thời điểm nhóm người Hoa xin tị nạn, biên giới Việt chỉ mới đến bờ trái sông Phan Rang, nên chúa Nguyễn Phúc Tần đã cho người đưa thư đến Nặc Nộn yêu cầu chia cấp đất cho họ vào làm ăn sinh sống quanh vùng đất Prei Nokor (Sài Gòn) và Nặc Nộn đã đồng ý. Kể từ đó, nhóm người hoa Trần Thượng Xuyên đến Bàn Lân (ngày nay thuộc Biên Hòa) lập nghiệp. Và nhóm Dương Ngạn Địch đến ở vùng Peam Mesar (Mỹ Tho). Vốn là người ở vùng Đông Nam Trung Quốc, thạo nghề mua bán và công nghệ, cùng với nhóm lưu dân người Việt đến trước, khai khẩn quy mô lớn. Chẳng bao lâu đã biến vùng đất hoang sơ trở thành thương cảng sầm uất.

Qua thời gian khá dài yên tĩnh giữa Việt – Miên. Đến năm Mậu Dần 1698, triều đình Chân Lạp muốn tái diễn gây rối, họ vịn cớ nhà Đại Việt từ thời trước đã dung túng Nặc Nộn. Thế là Nặc Thu cho đắp lũy Bích Đồi và Cầu Man (Nam Vang), mục đích họ dùng hai nơi này làm thế chắn vững vàng cho việc ẩn núp để cướp bóc dân buôn, xua quân đốt phá nhà dân cư ven biên, tiến đến phá phách đồn lũy Đại Việt. Trần Thượng Xuyên lúc bấy giờ đang đóng quân ở Doanh Châu (Vĩnh Long), cấp báo lên triều đình.

Mùa thu Kỷ Mão (1699) Chúa Nguyễn Phúc Chu lại hạ lệnh cử Trấn thủ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm chức thống binh cùng phó tướng Phạm Cẩm Long, Nguyễn Hữu Khánh đem quân sĩ từ Dinh Bình Khương vào Trấn Biên hợp cùng tướng Trần Thượng Xuyên lo việc trấn vệ biên cương. Lần này, ông cũng dùng chính sách ôn hòa, đem nhân tâm thu phục lòng người là chính.

Xuân Canh Thìn 1700, quan quân đóng bản doanh tại Ngự Khê, Rạch Cá (Vĩnh Long), để trừ bị việc tiến thoái, Nguyễn Hữu Cảnh cho đắp lũy Hoa Phong (còn có tên là Lũy Tây Hòa nằm ở địa phận huyện Bình Dương và Bình Long) dài 187 trượng về hướng tây nam Gia Định.

Ngoài thời gian binh bị ra thì lúc nào ông cũng để tâm quan sát đến đất đai từng vùng lấy việc khuyến nông để thường xuyên gần gũi dân. Còn riêng tình cảm đồng đội quân chủng ông tỏ ra thân mật, thấu đáo mọi hoàn cảnh, do đó các binh lính cũng đều kính mến trước đức độ của ông. Về mặt binh quyền vị Nguyễn Hữu Cảnh lại rất thẳng thắn trong việc thưởng phạt, còn kỷ luật thì tuyệt đối nghiêm minh. Mỗi khi đến nơi nào ông lại thường nhắc nhở binh lính phải kính già yêu trẻ, nhất là phải luôn giữ tinh thần “dĩ binh vi nông, dĩ nông vi binh”, mỗi khi cần đến là phải thi hành ngay. Do vậy quan quân Đại Việt rất được lòng dân ở mọi nơi.

Xét về địa hình tại chỗ, Nguyễn Hữu Cảnh quan sát rất kỹ việc hành quân và lưu thông của địa phương. Ông còn tập trung mũi nhọn vào công việc canh tác, đây

rõ ràng là chính sách của ông trong mọi tình huống. Sau đó họ từ bước dò dẫm sinh thổ, chông tràm, nước mặn, nước phèn. Nắm được tình hình, Nguyễn Hữu Cảnh cho quân sĩ vét sâu, khơi rộng thêm nhánh sông Tiền rẽ ngang xuống sông Hậu, dự định cuộc hiện cuộc chiến binh theo chiến thuật “tầm thực”, để lần lên đất Chân Lạp.

Công việc nhanh chóng hoàn tất, sông sâu, lòng rộng thuyền bè qua lại dễ dàng. Nhất là mang lại dòng nước ngọt quý giá cho người dân. Thật là một phương sách tuyệt hảo dành chon nhà nông, nước ngọt luân lưu khắp nơi. Người Miên cũng làm thêm thuyền ngo dạng nhỏ bé để đi lại giao dịch, đổi chác vật dụng hàng ngày...nhờ vậy tình thân thiện giữa các sắc dân có phần hòa hợp hơn, tình quân dân ngày càng đậm đà hơn.

Sau đó Nguyễn Hữu Cảnh truyền lệnh dong buồm xuất quân, thủy bộ hai ngã thẳng tiến lũy Bích Đồi. Phía quân Cao Miên do Nặc Thu ứng thực gây chiến. Nhưng họ sớm nghe uy đức của Nguyễn Hữu Cảnh vang dội gần xa, vua Miên đâm ra hoan mang e ngại. Nặc Thu với thâm ý ngậy hấn trước nên kinh hãi kéo quân bỏ trốn, cả triều đình Miên coi như đã thất thế. Nặc Yêm là cháu mở cửa thành ra mặt xin hàng. Sử cũ ghi rõ: khi tiến quân đến Chân Lạp, Nguyễn Hữu Cảnh đã vào thành phủ dụ với lời lẽ nhân ái, khoan hòa, kêu gọi dân chúng trở về làm ăn, sửa sang nhà cửa, sống thân thiện với người Việt... Thiện chí tốt đẹp của ông không chỉ làm cho người dân cảm mến, tin cậy mà còn khiến cho Nặc Thu phải nhụt chí, thay đổi ý định và chấp nhận đầu hàng.

Khi rút quân về Cù Lao Phố, trên đường đi thấy sông ngòi giao thương thuận lợi, đất đai tươi tốt ông sẵn lòng khuyên quân sỹ ở lại, tùy sức khai phá, khởi sự làm ăn để đón người từ miền ngoài vào sinh sống.

Mọi việc mau chóng hoàn thành ổn thỏa, Thống binh Nguyễn Hữu Cảnh truyền lui quân xuôi dòng sông Cửu Long về dinh Trấn. Trước khi đi ông cho ghé lại thăm nom, khích lệ các chủng tộc cùng nhau nên giữ tình thân thiện.

Những hành động khoan hòa thiết thực, những cử chỉ ưu ái thật lòng của Nguyễn Hữu Cảnh đã làm cho đồng bào vô cùng cảm mến. Nhất là số binh được phép ở lại lúc trước, giờ đã có gia đình, có ruộng đất cày cấy làm ăn, họ lại càng kính mến ghi thâm ơn tướng lãnh Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Chính họ là lớp cư dân đầu tiên lập đền, miếu thờ phụng Nguyễn Hữu Cảnh sau khi nghe tin ông mất, để 300 năm tiếp theo và có lẽ sẽ mãi về sau, người dân Nam Bộ ngưỡng mộ vinh danh ông với lòng tôn kính.

CHƯƠNG 3: SỰ TRI ÂN CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VÀ SỰ TRUY PHONG CÔNG ĐỨC LỄ THÀNH HẦU NGUYỄN HỮU CẢNH QUA CÁC TRIỀU ĐẠI

3.1. Sự tri ân của nhân dân miền Nam với Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Khi sống, ông là người tài đức, có công lớn khai mở đất phương Nam. Khi mất, ông là thần thiêng của vùng đất này!

Nguyễn Hữu Cảnh, người con ưu tú của vùng đất Quảng Bình nhiều nắng gió đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử tổ chức khai phá, mở mang bờ cõi, thiết lập bộ máy hành chính Nam Kỳ, xác lập chủ quyền lãnh thổ Việt Nam trên vùng đất Nam bộ, định hình nước Việt Nam thành dải đất hình chữ S như ngày nay.

Sau khi bình định Chân Lạp, tháng 4 Canh Thìn (1700) trên đường về kinh, quan quân đến Cù Lao Tiêu Mộc, còn gọi là Cồn Cây Sao, Nguyễn Hữu Cảnh hạ lệnh cho dừng quân, và cho người mang sớ thắp trận về dâng lên vua.

Vài ngày sau Nguyễn Hữu Cảnh nhuốm bệnh, nhưng gặp tiết Đoan Ngọ tới (mùng 5 tháng 5), ông cố gượng làm khỏe, dậy vui tiệc khao quân cùng các tướng sĩ. Chẳng

may gặp cơn gió độc Nguyễn Hữu Cảnh lâm bệnh, ông truyền dong buồm về gáp. Thuyền chở ông đến Rạch Gầm, ngã ba sông Tiền Giang, nơi đây ông đã trút hơi thở cuối cùng, khi ấy nhằm ngày mùng 9 tháng 5 Canh Thìn (1700).

Quan quân đã đưa linh cửu của ông về huyện táng cạnh dinh Trấn Biên Đồng Nai, thuộc thôn Bình Hoà, Cù Lao Phố. Sau này đất nước hoàn toàn giải phóng, qua nhiều lần hội thảo, khảo cứu, vào tháng 7 năm 1995, các hậu duệ đời thứ 10 của Nguyễn Hữu Cảnh cùng với các vị lãnh đạo của Sở Văn hóa Thông tin (nay là Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch) Quảng Bình kết hợp với giáo sư sử học Trần Quốc Vượng đã hợp lực tìm được đích danh vị trí lăng mộ của vị khai công lập



quốc phương Nam Nguyễn Hữu Cảnh tại Thác Ro thuộc huyện Lệ Thủy, Quảng Bình. Nơi này đã tìm ra mộ và tấm bia khắc tên Ông bằng chữ Hán. Mặt trước được dịch là Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Kính (Cảnh) chi mộ, mặt sau ghi: Bảo Đại năm thứ 5 ngày 16, hậu duệ là Viện trưởng Cơ mật Đại thần Thái tử Thái phó Hiến đại học sĩ Phước Môn Bá Nguyễn Hữu Bài cùng con Hữu Giải và nữ thị Dương cung kính dựng bia. Nghiêm cẩn ghi lại.

Xét ra mộ chí của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh ở Thác Ro, Quảng Bình đã rất đúng hướng địa lý đặt mộ của tiên nhân dòng Nguyễn Hữu đã chọn và truyền lại:

- Thượng Yên Mã = phía trước giáp núi Yên Mã
- Hạ Đùng Đùng = phía dưới gần phá Hạc Hải
- Trung trung nhất huyết = khoảng trung tâm là nơi an táng được



Lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh tại Quảng Bình

Nhưng ở Cù Lao Phố xưa nay vẫn có lăng mộ của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Phải chăng tiên nhân khi xưa vừa làm công việc cải táng linh hài ông về Quảng Bình, vừa đắp lại như cũ mộ huyền táng của Ông ở Cù Lao Phố để trấn an lòng sùng kính của nhân dân vùng Đồng Nai. Ngoài ra, Thượng Đẳng Thần Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh còn có một ngôi mộ vọng ở xã Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam



Mộ Nguyễn Hữu Cảnh tại Cù Lao Phố

Thực ra ngọc cốt của Đức Ông Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh dù đã yên nghỉ ở Cù Lao Phố hay Quảng Bình...thì đâu đâu cũng là quê hương đất nước Việt Nam. Phải chăng trước tấm lòng tựa bệ cả của Đức Ông khi xưa, với tâm đức ấy, hẳn khi thác Đức Ông cũng muốn hình hài mình phải được trải rộng để được ôm ấp suốt dải đất Việt Nam mến yêu. Như Đức Ông khi xưa đã hằng chắc chiu mang từng danh từ quận huyện nơi sinh trưởng ra ông mà đặt cho vùng đất mới, nơi có dấu chân khai sáng của ông.

Thực hiện chuyển kinh lược phương Nam do chúa Nguyễn Phúc Chu sai phái vào năm 1698, Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh gắn liền tên tuổi của mình với vùng đất Đồng Nai nói riêng và Nam Bộ nói chung. Với những công lao to lớn, chính Nguyễn Hữu Cảnh đã góp phần quan trọng trong tiến trình Nam tiến lịch sử thời các chúa Nguyễn. Là một danh tướng tài giỏi nhiều mặt, Nguyễn Hữu Cảnh đóng một vai trò quan trọng đối với việc mở mang lãnh thổ Việt Nam về phía Nam. Sau những năm cống hiến cho nước nhà, bôn ba trên trận mạc Nguyễn Hữu Cảnh mất vào năm 1700, để lại niềm thương tiếc không nguôi cho nhân dân. Quý mến và ghi nhớ công lao của Nguyễn Hữu Cảnh, nhân dân ở các nơi ông đặt chân đến đã lập đền thờ ngưỡng vọng, tôn kính.

Đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, công ơn của Nguyễn Hữu Cảnh thật sâu đậm. Ông xứng đáng được nhân dân tôn kính là Đệ nhất công thần xứ Đồng Nai. Lịch sử khai phá của vùng đất này mãi mãi khắc ghi công lao của ông là “*tiền hiền của các bậc tiền hiền*” đã khai sáng cho một vùng đất. Người dân vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai ngưỡng vọng, tôn kính và ghi nhớ công lao của Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh. Tại thôn Bình Hoành dinh Trấn Biên (nay thuộc xã Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà), người dân đã đồng tâm lập miếu võ trang nghiêm, tôn ông như vị Thành Hoàng đầy hiển linh, luôn giúp cho xứ sở bình yên, thịnh vượng.



Cổng vào đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh

Hơn 300 năm tính từ năm Mậu Dần lịch sử ấy, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung đã có nhiều thay đổi, biến chuyển và phát triển. Trong dòng chảy lịch sử của vùng đất phương Nam, nhân vật Nguyễn Hữu Cảnh đã

để lại dấu ấn sâu đậm của mình trên vùng đất này, công ơn to lớn của ông còn mãi:

*“Định rừng núi sông, lương dân đều được hưởng
Mở mang bờ cõi, thiên hạ thủy chung nhờ”*

Thuở ấy, sau khi ông mất, nhân dân khắp nơi lập Đền, Miếu thờ phụng, cùng những liễn đối hoành phi...đề tri ân và tưởng nhớ đến Đức Ông Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Sự linh thiêng của ông gần gũi trong từng làng Nam Bộ, đã trở thành điểm tựa tinh thần cho lưu dân mở đất, hun đúc ý thức bảo vệ chủ quyền và bảo vệ từng tấc đất quê hương cho hậu thế. Công đức của ông được người đời sau truy niệm:

*"Đẹp chiêm thành sắp đặt Cao Miên,
Làm tướng, làm thân vinh sống thác.
Dân ngữ Quảng mã mang lục Tỉnh,
Dày công, dày đức tạc non sông."*

Theo Gia Định thành thông chí, thì khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, từ Quảng Bình đến Nam Bộ, Cà Mau, những địa phương nào trước đã từng được đón tiếp ông hay những nơi ông đóng doanh trại đều có đền thờ như: Cù Lao Tiêu Mộc (sau đổi là Cù Lao Ông Chưởng), Long Điền, Kiến An, Vĩnh Ngươn, Châu Đốc, Rạch Gầm, Thới An, Bình Mỹ, Mỹ Đức,... đâu đâu ông cũng được sắc phong Thượng đẳng thần.



Dinh Ông ở thị trấn Chợ Mới (An Giang)



Dinh thần Châu Phú (An Giang)

Không những người Việt tôn thờ ông, mà người Trung Hoa cũng tỏ lòng ngưỡng mộ đặt bài vị thờ Ông tại đền Minh Hương Chợ Lớn. Có sự kiện mà nhiều cuốn sử cũ cho biết: người Cao Miên lập miếu thờ ông gọi là Miếu Cỏ Nam Vang, mà đúng ra phải xem ông là kẻ thù. Có lẽ ông là trường hợp hiếm hoi được đối xử như vậy trong các cuộc chiến và lịch sử thời trung đại. Như Trịnh Hoài Đức nói

những nơi này ngày đêm “hương khói không tuyệt”. Điều đó cho thấy tầm ảnh hưởng, sự ghi nhận công đức và tình cảm của người dân trên vùng đất mới dành cho ông hết sức đặc biệt, nơi nào có vết chân của vị Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh đi qua từ Biên Hòa, Gia Định đến Mỹ Tho, An Giang, Châu Đốc, đâu đâu cũng lập đền thờ.



Bài vị Nguyễn Hữu Cảnh được thờ tại Đền Minh Hương Chợ Lớn

Những cơ sở thờ tự Nguyễn Hữu Cảnh được lập ngay sau khi ông mất hiện nay không những vẫn còn mà đã được nhân dân trong vùng trùng tu, tôn tạo, xây dựng khang trang. Nhiều ngôi đền, ngôi miếu, mái đình đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa. Không riêng vào dịp Vía Ông (thường kéo dài hai, ba ngày với những nghi thức truyền thống long trọng) mà ngay cả trong những ngày thường hương khói cũng không dứt. Nhiều nơi chỉ dùng một chữ Ông để gọi thôi: Đình Ông, Miếu Ông, Đền Ông....thì trong vùng đó ai cũng điều hiểu ngay đó là Ông Lớn Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh.

Tên và chức tước của Chương Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh được lấy đặt tên cho trường học, đường phố, khóm ấp, dòng sông như: Cù Lao Ông Chương, Làng Ông Chương, trường trung học Chương Bình Lễ, ở trường Trung học Kỹ thuật nghiệp vụ mới mở thuộc quận 7, TPHCM cũng lấy tên Nguyễn Hữu Cảnh, trường trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cảnh (Biên Hòa)...



Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh (Biên Hòa)



Ảnh tác giả tại nhà bia Nguyễn Hữu Cảnh

Trong dịp lễ kỷ niệm 300 năm (1698-1998) hình thành và phát triển vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai, Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đã xây dựng nhà bia trong phạm vi di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh. Đây là một công trình văn hoá, tưởng nhớ công đức của các bậc tiền nhân đã có công khai phá, xây dựng, bảo vệ và làm rạng danh vùng đất Trấn Biên xưa

HỘI THI TÌM HIỂU GIÁ TRỊ VĂN HÓA – LỊCH SỬ ĐỒNG NAI 2014

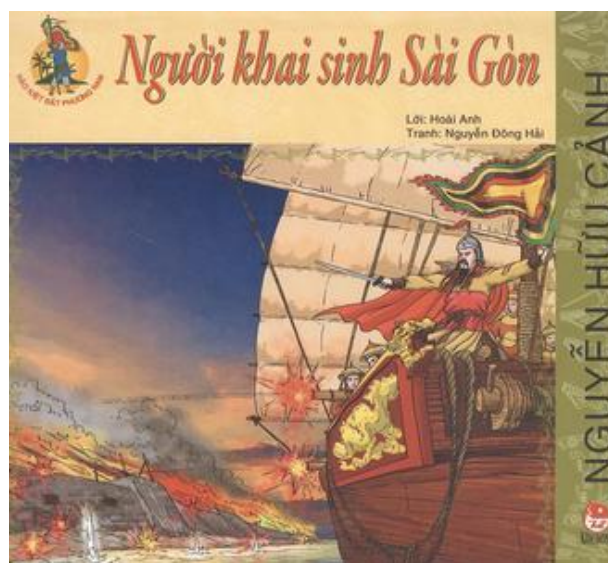
Năm 1998 TPHCM và Đồng Nai, An Giang đều liên tiếp long trọng mở hội thảo chuyên đề Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và tưng bừng làm lễ đón mừng 300 năm (1698-1998) thành lập Sài Gòn Gia Định gắn liền với tên tuổi của Ông.

Ngày 30-4-1998, Tổng cục Bưu điện phát hành bộ tem "300 năm Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 1998)", trong đó có bloc tem thể hiện chân dung Nguyễn Hữu Cảnh

Với sự kiện “300 năm Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh”, “300 năm Biên Hòa - Đồng Nai”... đã có hàng trăm cuốn sách, bài báo khoa học, một lần nữa ghi nhận, tôn vinh công lao to lớn của Nguyễn Hữu Cảnh.



Bloctem thể hiện chân dung Nguyễn Hữu Cảnh



Sách viết về Nguyễn Hữu Cảnh

Năm 2009, sách *Kỷ lục An Giang 2009*, cũng đã công nhận ông là người đầu tiên có công khai mở vùng đất An Giang

Quả thật, công đức và nhân cách của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh đã đi sâu vào lòng dân, uy danh của Người sẽ mãi mãi còn được lưu truyền hậu thế. Xin trích một câu đối trong hàng trăm liễn đối treo thờ ông ở khắp các đền miếu.

Phiên âm:

*Công cao vạn đại lê dân hàm cảm thánh Nam Châu
Đức trọng thiên thu hộ quốc an khang khai biên thổ*

Dịch:

*Công cao muôn thuở, toàn dân vọng tưởng đất miền Nam
Đức nặng ngàn thu, cả nước vui trông trời giới cảnh*

Thế hệ những người mở đất cuối thế kỉ XVII biết đến một Nguyễn Hữu Cảnh tài đức, khoan hòa, nhân ái, liêm chính, suốt đời lo an dân. Những người thế hệ tiếp theo biết đến Nguyễn Hữu Cảnh là một “Thành hoàng Bổn cảnh” linh thiêng, che chở, độ trì cho làng, cho nước...

Có một điều khá đặc biệt khác, không biết từ bao giờ, người dân Nam Bộ vì quá tôn kính Nguyễn Hữu Cảnh mà không gọi tên húy ông là Kính, gọi chệch ra là Cảnh và rồi họ kiêng cả hai tên Kính và Cảnh, chỉ tôn xưng ông bằng chức tước. Bởi vậy, ở Nam Bộ (tám, tử) kính thì gọi là (tám, tử) kiêng; cây cảnh, hoa cảnh, chim cảnh thì từ “cảnh” được thay bằng chữ kiêng. Những từ này cũng được kiêng đặt trong địa danh (Tân Kiêng thay cho Tân Cảnh)...

Nhân dân miền Đồng Nai, quê hương đã và đang sinh sống đã cho họ niềm tự hào với vinh hạnh là địa danh do Đức ông Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tạo dựng khai sinh ra xứ Đồng Nai Gia Định. Hơn nữa khi ông mất, Cù Lao Phố Đồng Nai lại được chọn là nơi Đình Cử. Đành rằng đây không phải là nơi chôn nhau cắt rốn của ông, nhưng lại chính là miền đất do công lao ông khai hóa ra nó thì sự đình cử cũng là chí lý.

Đình Bình Kính, còn gọi là Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh di tích lịch sử tồn tại hơn ba thế kỷ ở xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Đình tọa lạc trên diện tích đất



Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh tại Biên Hòa

rộng, bên tả của nhánh sông ôm trọn Cù Lao Phố, dưới chân cầu Ghềnh, mặt tiền nhìn về hướng Tây, soi bóng xuống dòng nước Đồng Nai trong xanh, hiền hòa. Đây là di tích lịch sử thờ danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh – người có công đầu trong việc điểm nhãn dư đồ lịch sử” của vùng đất phương Nam trong đó Đồng Nai là nơi ông đã chọn để lập tổng hành dinh khi lần đầu vào kinh lược phương Nam. Là một di tích duy nhất của tỉnh Đồng Nai thờ một danh nhân mà danh nhân ấy được triều đình phong kiến ba lần phong sắc. Ngôi đền được dựng vào năm nào, ngày nay chưa có tài liệu nào đề cập cụ thể. Có lẽ, sau khi Nguyễn Hữu Cảnh mất, người dân

thôn Bình Hoà cảm nhớ vị công thần của đất nước có công lớn đối với vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai nên mới dựng ngôi đền thờ.

Nguyễn Hữu Cảnh là danh nhân duy nhất được người dân ngưỡng vọng tôn thần có lịch sử thờ tự tại đình lâu đời nhất. Sự tôn kính ấy khẳng định truyền thống đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*” của người Việt Nam nói chung và nhân dân Đồng Nai nói riêng đối với những người có công lao với nhân dân, đất nước. Qua đó góp phần rất lớn trong việc tuyên truyền giáo dục truyền thống yêu nước, yêu quê hương trong các thế hệ người Việt Nam hôm nay để mỗi người tự nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh hơn, cũng như phải biết giữ gìn lấy những giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc.

Từ sự tôn kính thờ phụng cả trăm năm của người dân Nam Bộ, dù vừa thống nhất giang sơn với bao công việc bề bộn, vua Gia Long, năm thứ 4 (1805) đã sắc phong cho Nguyễn Hữu Cảnh là Thượng Đẳng thần. Ông là mẫu người điển hình “sinh vi tướng, tử vi thần” thời phong kiến.

Khi ông mất, chính sự tôn kính và linh thiêng trong lòng dân chúng lại trở thành điểm tựa cho công cuộc khai hoang và giữ yên bờ cõi. Những sóng gió nơi vùng đất An Giang trong suốt thế kỉ XIX từ phía Chân Lạp không đưa lại kết quả gì, vì ngoài quân sự còn có một niềm tin của dân chúng về một vùng biên cương do Lễ Công đã dàn xếp.

Tài đức, sự cống hiến của Nguyễn Hữu Cảnh đã để lại dấu ấn suốt dọc dải đất miền Trung vào đến Nam Bộ. Có thể nói, Nguyễn Hữu Cảnh đã chung sức cùng các chúa Nguyễn góp phần làm thay đổi lịch sử Đông Nam Á.

Trước Nguyễn Hữu Cảnh đã có người khai mở đất phương Nam, sau ông nhiều người tiếp tục sự nghiệp đó, nhưng tài đức của ông đã tạo ra bước ngoặt, bản lề cho sự nghiệp mở cõi. Đạo đức của ông và niềm tin dân chúng dành cho ông thành một tín ngưỡng đã là động lực, sức mạnh nội sinh của lưu dân trên vùng đất mới để xây dựng Nam Bộ thành vùng đất trù phú, giàu có bậc nhất của nước ta.

3.2. Sự truy phong công đức của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh qua các triều đại

Lúc sinh thời người dân ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ vẫn quen gọi ông là Chương Bình Lễ, vì vậy có người tưởng rằng ông giữ chức Chương binh. Trên thực tế, thời chúa Nguyễn không có chức này. Chức vụ cao nhất mà Nguyễn Hữu Cảnh đảm nhiệm lúc sinh thời là Thống suất. Do sự kính trọng của người dân đối với Nguyễn Hữu Cảnh, họ đã ghép tên và chức vụ của ông lại thành Chương Bình Lễ ("Chương" của Chương dinh hay Chương cơ, "binh" của Thống binh, và "Lễ" là tên tự của ông). Văn thơ ca ngợi, truyền tụng công đức Nguyễn Hữu Cảnh còn lưu

giữ khá nhiều, xin trích một đoạn trong bài thơ đặt nơi sắc phong tại đền Lễ Công ở Châu Phú.

*“Từ ngày vâng lệnh Trần Bình Khương,
Bờ cõi mở thêm mấy dặm trường,
Vun bón cột nền nơi tổ phụ
Dãi dầu tên đạn giúp quân vương
Giặc ngoài vừa nép bên màn hổ
Sao tướng liền sa giữa giọt sương!”*

Sau khi ông qua đời Chúa Nguyễn Phúc Chu vô cùng thương tiếc liền truy tặng ông là: "Hiệp tướng công thần đặc Trần Đình Trường" với tước "Tráng Hoàng Hầu". Các Vua Chúa sau này, bất cứ vị nào lên nối ngôi cũng nghĩ đến việc phong Sắc, Tước, Hiệu, để truy tặng cố Công Thần Nguyễn Hữu Cảnh, một bậc tướng quốc suốt đời tận tụy vì nước vì dân. Cho đến lúc nhắm mắt tắt hơi, cũng giữ lại tấm hình hài tại chốn Nam thù xa thẳm.

Sau triều Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), đến đời Chúa Ninh Nguyễn Phúc Chú năm thứ 12 (1737) Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng Đế. Ngoài việc phong thần, Chúa lại cho truy cấp thêm 5 từ phụ và hàng năm xuất 10 quan tiền để mua phẩm vật tế lễ Táng Hoàng Hậu Nguyễn Hữu Cảnh. Và được rước vào Hữu Tùng Tự - nơi thờ các bậc Khai quốc Công Thần nhà Nguyễn.

Đời Minh Mạng thứ 3, 5, 8. Vua truy tặng Lễ Thành Hầu: “Khai quốc Công Thần Tráng Võ Tướng Vĩnh An Hầu” và có ban sắc. Sắc viết chữ Hán trên gấm lục dệt rồng cuộn màu vàng, hiện thờ tại Dinh Phủ Thờ của Lê Công Từ đường thuộc xã Châu Long, nay là Châu Phú, Châu Đốc, An Giang. Và sắc thờ tại Đình Thần Bình Kính, Biên Hòa, Đồng Nai.

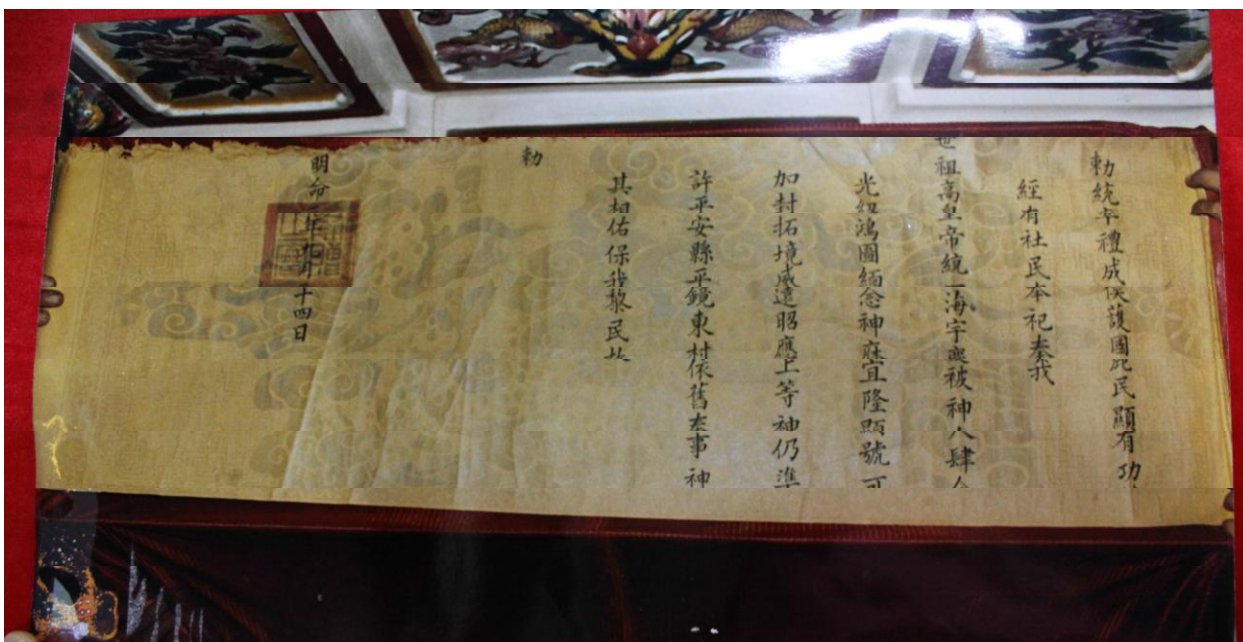
Sắc Thần Đình Bình Kính, Xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

+ Phiên âm chữ Hán:

Sắc Thống suất Lễ Thành hầu hộ quốc tể dân, hiển dự công đức kinh hữu xã dân phụng tự, phụng ngã. Thế tổ Cao Hoàng đế thống nhất hải vũ, khánh bị thần nhân. Tứ kim quang chiêu hồng đồ, miễn niệm thần hựu nghi long hiển hiệu, khả gia phong Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thượng đẳng Thần. Nhưng chuẩn hứa Bình An huyện, Bình Kính Đông thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân cố!

Sắc

Minh Mệnh tam niên, cửu nguyệt, nhị thập tứ nhật.



Sắc thần Minh Mệnh tam niên

+ Tạm dịch:

Sắc cho Thống suất Lễ Thành hầu luôn phò giúp đất nước, che chở con dân, thêm tỏ ngài công đức từng được dân xã phụng thờ. (Ngài) vâng mệnh Đức Thế tổ Cao Hoàng đế của ta thống nhất biển trời mà vui lòng gánh hết việc lớn việc nhỏ. Tớ nay nghiệp lớn rõ ràng, luôn nghĩ tới ơn Thần phò giúp (Ngài) đáng được tặng danh hiệu hiển vang, xưng gia phong là Thác cảnh Oai viễn Chiêu ứng Thượng đẳng Thần. Vẫn chuẩn cho thôn Bình Kính Đông, huyện Bình An thờ phượng theo lệ cũ. Thần hãy giúp đỡ, giữ gìn con dân của trẫm như cũ.

Sắc

Minh Mệnh năm thứ ba, tháng chín, ngày hai mươi bốn

Năm 1831, Biên Hòa Bố Chánh là Ngô Văn Định, nhận thấy đền Công Thần Nguyễn Hữu Cảnh bị xói mòn, hư hao nên đã có sớ tâu trình xin trùng tu. Triều đình Minh Mạng theo đó đã chuẩn cấp 400 quan tiền cho bản lý sửa chữa. Ngôi đình được cất lại phía sau, nhưng vẫn từ nền cũ lùi vào 10 trượng. Thôn Bình Hoà được dân đổi ra ấp Bình Kính, đền cũng gọi là đền Bình Kính. Theo lời dân địa phương: “do lòng dân ngưỡng mộ bậc Huân Hiền, các bô lão xưa kia đã ghép tên Bình của tỉnh Quảng Bình và tên Kính của Đức Ông mà thành tên Bình Kính, có nghĩa đền và làng này thờ Đức Ông Nguyễn Hữu Kính người Quảng Bình.”

Đến năm 1843 Thiệu Trị năm thứ 3 có sắc tặng Thống suất Lễ Thành Phủ Quan, người đã có công giúp nước yên dân và chuẩn y cho huyện Phước Kính, thôn Bình Kính tiếp tục thờ phụng công thần đã khai mở bờ cõi, ứng bật Thượng

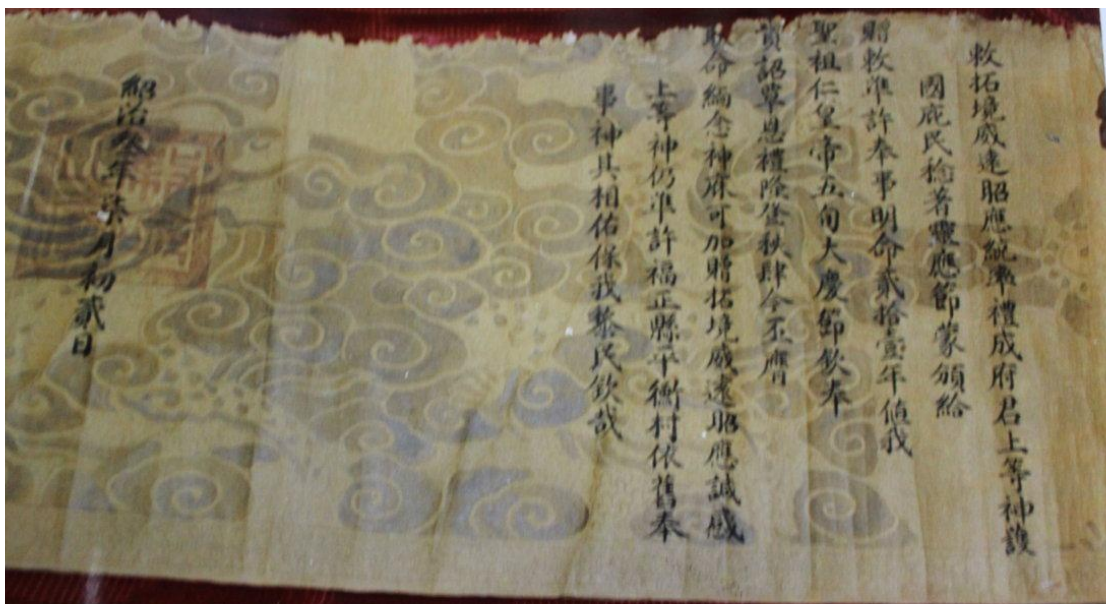
Đăng Thần. Sắc thần thờ tại Đình Bình Kính Xã Hiệp Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

+ **Phiên âm chữ Hán:**

Sắc Thác cảnh Oai viễn Chiêu ứng Thống suất Lễ Thành Phủ quân Thượng đẳng Thần hộ quốc tể dân nhâm trừ linh ứng, tiết mông ban cấp tặng sắc chuẩn hứa phụng sự. Minh Mệnh nhị thập nhất niên, trị ngã Thánh tổ Nhân Hoàng đế ngũ tuần đại khánh tiết khâm phụng tư chiếu...ânthu. Tứ kim phi ứng cảnh mệnh, miễn niệm thần hựu, khả gia tặng Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thành hàm Thượng

đẳng Thần. Chuẩn hứa Phước Chính huyện, Bình Hoành thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai !

Thiệu Trị tam niên, thất nguyệt, sơ nhị nhật



Sắc thần Thiệu Trị tam niên

+ **Tạm dịch:**

Sắc Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thống suất Lễ thành Phủ quân Thượng đẳng Thần phù giúp đất nước, che chở con dân, từ lâu từng tỏ rõ linh ứng, ngăn che họa nạn ban sắc chuẩn cho thờ phượng. Năm Minh Mệnh thứ hai mươi một nhân mừng Thọ ngũ tuần Đức Thánh tổ Nhân Hoàng đế của trẫm, tuân mạng ban chiếu...ânthu. Nay (trẫm) hết lòng lãnh mạng luôn nghĩ tới ơn Thần phù giúp, xứng gia phong là Thác cảnh Uy viễn Chiêu ứng Thành hàm Thượng đẳng Thần. Chuẩn cho thôn Bình Hoành, huyện Phước Chánh thờ phượng theo lệ cũ. Thần hãy giúp đỡ, giữ gìn con dân của trẫm. Hãy hết lòng vâng theo sắc mệnh !

Thiệu Trị năm thứ ba, tháng bảy, ngày mồng hai

Năm 1852 đời Tự Đức cũng ban sắc viết bằng chữ Hán trên gấm vàng anh truy tặng Thượng Đẳng Thần Nguyễn Hữu Cảnh.



Sắc thần Tự Đức ngũ niên

Uy danh của Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh còn khiến cho các nhà cầm quyền nối tiếp sau này, dù ở thời gian nào, thể chế nào chẳng nữa các nhà cầm quyền cũng muốn tạo cơ hội khắc ghi thâm ân đối với vị tướng quốc hữu công của đất nước, và bày tỏ lòng biết ơn qua mọi hình thức:

- Sửa chữa Đền, Mộ cùng sự chiêm bái. Hàng năm, đến ngày kỵ Đức Ông Nguyễn Hữu Cảnh, ban Khánh tiết phủ Quốc Vụ Khanh đều có cử phái đoàn từ Bến Nghé (Sài Gòn) lên Biên Hòa dự lễ dâng hương.
- Lấy tên Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh để thay một số tên đường phố các tỉnh: Ở Sài Gòn, miệt Xóm Chùa Tân Định gần cầu Kiệu có một đường tên Nguyễn Hữu Cảnh; Ở Gia Định có một cư xá tên Nguyễn Hữu Cảnh; Ở Phường Long Bình Tân thành phố Biên Hòa có đường Nguyễn Hữu Cảnh .
- Đặt tên phố và tên trường học: Châu Đốc có đường Nguyễn Hữu Cảnh và đường Thượng Đẳng Lễ; ngay thị trấn Châu Đốc có trường trung học mang tên Nguyễn Hữu Cảnh; trường trung học mang tên Nguyễn Hữu Cảnh ở Biê Hòa; Trường Trung học Kỹ thuật nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh, thuộc quận 7, TP.HCM ...

- Đặt tên Ấp, xã, sông: Ở Sa Đéc (Đông Đạo Khẩu) được gọi là Châu Lễ Công; Ở Long Điền (Chợ Mới) có địa danh Cù Lao Ông Chường; Khúc sông trước đền Cù Lao Ông Chường gọi là Lòng Ông Chường
- Năm 1989 Bộ Văn Hóa đã ký Quyết định xếp hạng Đền Châu Phú (An Giang) thuộc di tích lịch sử văn hóa nư ớc nhà, để nhớ lại công đức khai biên mở cõi miền Nam của Thượng Đẳng Thần Nguyễn Hữu Cảnh. Riêng ở Biên Hòa, theo xét duyệt văn bản đề nghị xin xếp hạng Mộ và Đền thờ Bình Kính, Bộ đã ký Quyết định số 475 ngày 25/3/1990, xếp hạng di tích Quốc gia
- Ngày 25/8/1992 Hội Khoa học Lịch sử tổ chức cuộc sơ thảo về tiểu sử và Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh của Như Hiên tại Bảo tàng Lịch sử Cách Mạng TP.HCM
- Ngày 2/5/1993 Câu lạc bộ khoa học lịch sử Bách Việt lại tổ chức cuộc diễn thuyết về Lễ Thành Hầu, do diễn giả Như Hiên trình bày.
- Ngày 30/6/1993 nhân dịp đáo tế lần thứ 293 ngày kỵ của Thượng Đẳng Thần Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh tại Châu Phú (An Giang). Hội sử học TP. HCM đã phối hợp cùng với Sở Văn hóa An Giang tổ chức cuộc Hội thảo Khoa học trong 2 ngày với chuyên đề Nguyễn Hữu Cảnh. Đặc biệt có cả đại biểu từ Quảng Bình vào dự cùng đại diện hậu duệ nội ngoại của Đức Ông.

Dân ta vốn là một dân tộc có truyền thống uống nước nhớ nguồn, cho nên trải qua hàng bao thế hệ, cho dù các nhà cầm quyền thuộc thể chế nào, thời gian nào và cho đến tận ngày nay cũng đều muốn tỏ lòng ghi khắc công ơn người góp công mở cõi Nguyễn Hữu Cảnh, bằng mọi hình thức và ở mọi địa phương.

❖ MỘT VÀI Ý KIẾN, KIẾN NGHỊ

Với những công hiến lớn lao cho đất nước như thế, Nguyễn Hữu Cảnh thật xứng đáng để vinh danh cho thế hệ mai sau ghi nhớ công ơn, đức độ và noi gương sáng của ông. Việc gìn giữ, phát huy giá trị lịch sử văn hóa Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là việc làm hết sức cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước văn minh, giàu đẹp nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng.

Vấn đề vinh danh và phát huy giá trị tinh thần danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh cần được quan tâm hơn nữa. Tạo mối liên hệ giữa cơ sở thờ tự, tín ngưỡng Nguyễn Hữu Cảnh từ Quảng Bình vào đến Nam Bộ.

Nguyễn Hữu Cảnh sinh ra ở Quảng Bình nhưng đóng góp và những gì thuộc về di sản lại sinh động từ đời này sang đời khác trong lòng người dân Nam Bộ. Những gì thuộc về danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh hiện nay không chỉ là sự ghi công

khai mở phương Nam mà đã là vấn đề tâm linh của một vùng đất. Vì vậy, để vinh danh và phát huy giá trị tinh thần Nguyễn Hữu Cảnh cần quan tâm tôn tạo, xây dựng lăng mộ, đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh cho tương xứng với công lao, đóng góp và ảnh hưởng của ông.

Quan tâm phát huy giá trị tình cảm, tinh thần và nhất là tâm linh của người dân Nam Bộ dành cho ông.

Hoàn bị lại hệ thống hồ sơ di tích, bởi di tích Đền thờ và mộ Nguyễn Hữu Cảnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là minh chứng cho lịch sử hình thành của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, đã được nhà nước công nhận là di tích lịch sử cấp Quốc gia. Thời gian hoàn tất hồ sơ cũng như được nhà nước công nhận đã hơn 20 năm; những tư liệu liên quan tới thân thế, sự nghiệp, công trạng của Nguyễn Hữu Cảnh còn quá sơ sài, chưa thực sự thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu của người dân.

Nên tổ chức nhiều cuộc hội thảo về thân thế, sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh nhằm mục đích huy động nguồn tư liệu, những đóng góp của các nhà khoa học, những học giả tâm huyết trong và ngoài nước nhằm làm phong phú thêm mảng tư liệu bổ sung hồ sơ di tích; đảm bảo độ chuẩn xác của hồ sơ khi đến với mọi người cũng như mức độ lan tỏa của nó.

Ngoài ra, nên phối hợp sưu tầm thư tịch cổ tại Viện Hán Nôm, sẽ còn rất nhiều tư liệu quý liên quan không những đến Nguyễn Hữu Cảnh mà cả vùng đất Đồng Nai.

Đối với các giá trị di sản chữ Hán như: hoành phi, liễn đối, sắc thần, văn cúng văn tế, bài vị... cần phải được phiên âm, dịch nghĩa và điều quan trọng là phải phổ biến nội dung tới nhiều người.

Nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác quản lý di tích. Cần xây dựng cơ chế phối hợp đồng bộ giữa Ban Quản lý Di tích – Danh thắng của tỉnh với các cấp chính quyền địa phương và Ban Quý tế đền thờ trong việc thường xuyên, trực tiếp theo dõi, phát hiện tình trạng hư hỏng và kịp thời thực hiện tu bổ, tôn tạo đền thờ và khu lăng mộ. Cần phát huy tốt cơ chế xã hội hóa trong hoạt động tu bổ di tích nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực cho việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

Nên xây dựng nhà lưu niệm Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, nơi đây sẽ trưng bày những sắc phong và nhiều tư liệu quý về cuộc đời danh thần đã có công trong việc khai công lập quốc phương Nam, được dân chúng bao đời mến mộ, ghi ơn.

Việc giới thiệu về nguồn gốc, thân thế, sự nghiệp, công đức của Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung. Vì vậy cần phải được thực hiện một cách rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài

và trên công thông tin điện tử, trong trường học phổ thông trung học, đại học, dưới nhiều hình thức như: hình ảnh, phim tư liệu, sách, báo, tạp chí, giáo trình qua đó góp phần giáo dục truyền thống yêu quê hương, yêu đất nước, lòng tự hào dân tộc của các thế hệ đặc biệt là thế hệ trẻ ngày hôm nay.

Cần xây dựng hệ thống sơ đồ, bảng biển rõ ràng cụ thể chỉ đường cho khách tham quan đến các di tích, những nơi ghi dấu công trạng của Đức Ông. Bên cạnh đó, việc xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông, tạo cảnh quan môi trường, cho toàn bộ khu di tích cũng là việc cần tiến hành sớm.

Tại Đồng Nai, xây dựng di tích Đình Bình Kính thành một điểm trong lịch trình thăm quan của tuyến du lịch đường sông Đồng Nai. Kết hợp cùng Trung tâm xúc tiến du lịch, các công ty lữ hành trong việc hoạch định những tour du lịch văn hóa mà khu di tích là địa chỉ ưu tiên hàng đầu.

Hàng năm, Ban Quản lý Di tích, Ban Quý tế đền thờ phối hợp tổ chức với các trường phổ thông đưa học sinh đến với di tích để các em có điều kiện để tham quan, tìm hiểu về những giá trị lịch sử - văn hóa tiềm ẩn bên trong di tích giúp các em hiểu được những giá trị, truyền thống tốt đẹp mà người xưa đã gửi gắm cho chúng ta hôm nay. Qua đó góp phần giáo dục việc hình thành nhân cách cho học sinh để các em có ý thức trân trọng và giữ gìn những di sản quý giá của cha ông.

Đối với hoạt động lễ hội gắn liền với di tích mang dấu ấn của Đức Ông cũng cần được các cấp chính quyền, cơ quan quản lý văn hóa hoạch định những chính sách cụ thể vừa bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Hoạt động lễ hội của di tích cần tránh việc can thiệp mang tính “sân khấu hóa”, phải



giữ được nguyên thể những giá trị cổ truyền. Tiến tới cần xây dựng kế hoạch nâng cấp lễ hội tại di tích lên tầm quốc gia xứng đáng với vị thế của di tích nhằm thu hút khách tham quan đến với di tích và thúc đẩy các hoạt động du lịch tại địa phương.

Trên đây là một số ý kiến nhằm góp phần gìn giữ và phát huy giá trị tinh thần danh nhân Nguyễn Hữu Cảnh trong quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung.

LỜI KẾT

Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh là vị công thần trên đường gian lao mở nước, người phương Nam hằng nhắc đến ông với thái độ tôn kính, không phải vì ông đã “hiển thánh”, với nhiều điều “linh ứng” nhưng vì những công đức cụ thể: thiết lập hệ thống hành chính, đặt dinh Trấn Biên và Phiên Trấn, lấy Sài Gòn làm trung tâm vùng đất Nam Bộ, định hình thể quốc gia Việt Nam. Nguyễn Hữu Cảnh với chính sách ôn hòa lấy nhân đức hướng tới hòa đồng hòa hợp dân tộc, đoàn kết toàn dân, góp phần hình thành nên Việt Nam thống nhất, trường tồn.

Bậc Khai quốc công thần Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh với công cuộc khai biên mở cõi miền Nam Việt Nam của ông là tiếp bước tiên nhân. Đây không hẳn là công đầu, cũng không phải là công cuối, nhưng chỉ với 8 năm (1692 – 1700), khoảng thời gian quá ngắn ngủi để hoàn thành một công cuộc khai sáng miền Nam. Nhưng Nguyễn Hữu Cảnh đã hoàn thành công trình vĩ đại để dân hiền cho đất nước và cho con cháu chúng ta mãi về sau này được thừa hưởng một gia tài đồ sộ như hiện nay, quả thật đây là một kỳ công hiếm có trong lịch sử.

Kỳ công khai hóa của Đức ông Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh không những đã được hậu thế tôn vinh nêu danh ông khắp cả các miền Lục tỉnh, mà ông còn được nhân dân truyền tụng nhớ ơn, lập đền thờ nhiều nhất ở miền Nam, kể cả người Trung Hoa, người Chân Lạp, cũng đều trọng vọng kính thờ, đâu đâu ông cũng được tôn vinh làm “Thượng Đẳng Thần”. Như vậy ta thấy rõ uy đức khi sanh tiền của vị Thượng Tướng ấy sâu đậm như thế nào mới tạo nên sự sùng kính trong lòng người dân suốt 3 thế kỷ qua và hẳn nhiên sẽ còn lưu truyền mãi về sau nữa.



Ảnh tác giả bên đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (2014)



Ảnh tác giả bên mộ Nguyễn Hữu Cảnh (2014)



Ảnh tác giả tại trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh (2014)



Ảnh tác giả tại chánh điện đền Nguyễn Hữu Cảnh (2014)